



BÁO CÁO

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu
Dựa vào Cộng đồng xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh
Thanh Hoá.**

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý	4
2. Đặc điểm địa hình	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5. Phân bố dân cư, dân số	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	6
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1. Lịch sử thiên tai	7
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	10
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	11
4. Đối tượng dễ bị tổn thương	11
5. Hạ tầng công cộng	12
a) Điện	Error! Bookmark not defined.
b) Đường và cầu cống	Error!
Bookmark not defined.	
c) Trường	Error!
Bookmark not defined.	
d) Cơ sở Y tế	Error!
Bookmark not defined.	
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	Error!
Bookmark not defined.	
f) Chợ	Error! Bookmark not defined.
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)	15
7. Nhà ở	15
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	16
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	16
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	16
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh	17
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	20
13. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH	22
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	23
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	24
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	25
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng	25
2. Hạ tầng công cộng	28
3. Công trình thủy lợi	30
4. Nhà ở	31
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	33
6. Y tế và quản lý dịch bệnh	34
7. Giáo dục	36
8. Rừng	38
9. Trồng trọt	39
10. Chăn nuôi	42
11. Thủy Sản	45
12. Du lịch	46
13. Buôn bán và dịch vụ khác	46
14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	47
15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH	47
16. Giới trong PCTT và BĐKH	48
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	49
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	51
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	51
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH	52
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	Error! Bookmark not defined.
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	54

E. Phụ lục	55
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	55
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	56
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	66
Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Nga Trung là một xã vùng màu, cách trung tâm huyện Nga Sơn 3.5km, Có vị trí địa lý tiếp giáp với các xã sau: Nền để theo thứ tự: Đông- Tây- Nam- Bắc
 + Phía Đông: Giáp xã Nga Thủy
 + Phía Tây: Giáp xã Nga Mỹ, xã Nga Nhân
 + Phía Nam: Giáp xã Nga Bạch, xã Nga Nhân
 + Phía Bắc: Giáp xã Nga Mỹ, xã Nga Hưng

2. Đặc điểm địa hình

Xã Nga Trung có Diện tích tự nhiên: 333.18 ha, được chia làm 5 thôn. Là một xã đồng bằng, địa hình tương đối bằng phẳng, không bị chia cắt bởi núi, đồi hay sông ngòi, kênh rạch. Địa hình nằm từ Tây sang đông. Phía Nam (thôn 5) giáp với xã Nga Bạch và gần cửa Lạch Sung là khu vực trũng, thấp, dễ bị ngập úng khi triều cường.
 Cơ cấu đất của xã bao gồm đất nông nghiệp 207.09 ha chiếm 68.14%, đất phi nông nghiệp 104.76 ha chiếm 31.14 %, đất chưa sử dụng 1.39 chiếm 0.004%

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí trung bình cả năm là 23,5⁰C.

Mùa Hè từ tháng 5 đến tháng 9, nhiệt độ trung bình 25⁰C, khi cao lên tới 39,5⁰C (vào tháng 6 và tháng 7).

Mùa Đông từ tháng 13 đến tháng 2 năm sau, nhiệt độ trung bình 16-18⁰C; nhiệt độ trung bình thấp nhất trong ngày dưới 12⁰C, những ngày có sương muối, gió Bắc nhiệt độ xuống dưới 5 - 6⁰C.

Độ ẩm không khí bình quân năm của xã: 85-86%, tháng 3, 4 và tháng 7,8 có độ ẩm không khí gần 90%

Hướng gió: Thông thường có hai hướng gió chính: Gió mùa Đông Nam và gió mùa Đông Bắc. Tốc độ trung bình 1.8-2.2m/s.

Lượng mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm là 1600-1800mm, vụ mùa chiếm 85-89% lượng mưa. Trong những năm gần đây do sự biến đổi khí hậu toàn cầu dẫn đến mưa bão thất thường, rét đậm, rét hại kéo dài, đặc biệt là sự biến động trong những năm 2009-2018.

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	22-23		Tăng 2.1 ⁰ C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	41	6-8	Tăng 2 ⁰ C-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	< 2	11-12-1	Tăng khoảng 2-2.4 ⁰ C

4	Lượng mưa Trung bình	<i>Mm</i>	1700		Tăng 18.6 ^{mm}
---	----------------------	-----------	------	--	-------------------------

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	Tăng lên
2	Xu hướng bão			X	Tăng lên
3	Xu hướng lũ			X	Tăng lên
4	Số ngày rét đậm			X	Tăng lên
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Đến năm 2050 Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ Hòn Dấu đến Đèo Ngang)
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Khoảng 1,43% diện tích – tương đương khoảng 15.159,15 ha (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77)

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Thôn 1	274	12	934	476	458	9	30
2	Thôn 2	177	6	616	312	304	5	24
3	Thôn 3	173	7	641	356	285	5	13
4	Thôn 4	189	5	731	286	445	6	17
5	Thôn 5	267	8	1095	575	520	10	25
Tổng số		1080	38	4017	2005	2012	35	109

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	333.18
1	Nhóm đất Nông nghiệp	227.03
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	207.09
1.1.1	Đất lúa nước	37.64
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	117.45
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	41.82

1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	10.18
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	13
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác	0
	(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	104.76
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	1.39
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	0
	- Đất nông nghiệp	
	- Đất ở	

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	10	215	(ha)	100%
2	Chăn nuôi	15	180		100%
3	Nuôi trồng thủy sản	3,9	25	(ha)	2%
4	Đánh bắt hải sản			(tấn)	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	25	207	33.700(triệu VND/năm)	50%

6	Buôn bán	25	136	28.500(triệu VND/năm)	85%
7	Du lịch			(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	20	325	33.000(triệu VND/năm)	50%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	
					Số lượng
Tháng 7/2006	Bão	5 thôn	Thôn 1 Thôn 2 Thôn 3 Thôn 4 Thôn 5	1. Số người chết/mất tích:	0
				2. Số người bị thương:	0
				3. Số nhà bị thiệt hại:	12
				4. Số trường học bị thiệt hại:	1
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	10ha
				9. Rau màu bị thiệt hại	10ha
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	13ha
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	
				12. Các thiệt hại khác...: Thiệt hại về hệ thống truyền thanh Môi trường ô nhiễm Cột điện lưới bị gãy đổ	
13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,5 tỉ				
Tháng 7/2016	Lụt			1. Số người chết/mất tích:	
				3. Số người bị thương:	
				4. Số nhà bị thiệt hại:	

				5. Số trường học bị thiệt hại:		
				6. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				7. Số km đường bị thiệt hại:	0,5km	
				8. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				10. Số ha ruộng bị thiệt hại:	15ha	
				11. Rau màu bị thiệt hại	22,4	Dưa hấu
				10. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				11. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:		
				13. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				14. Các thiệt hại khác...: Thiệt hại kênh mương Ô nhiễm môi trường Gia cầm bị dịch bệnh, chết. Người mắc các bệnh ngoài da	2km	
				14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1 tỉ	
Tháng 11/2008	Rét hại			1. Số người chết/mất tích:		
				2. Số người bị thương:		
				3. Số nhà bị thiệt hại:		
				4. Số trường học bị thiệt hại:		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				6. Số km đường bị thiệt hại:		

				7. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	50 ha	
				9. Rau màu bị thiệt hại	100 ha	
				10. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				11. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: Cá nuôi bị chết do rét	4ha	
				12. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				13. Các thiệt hại khác...: Lợn bị chết 1000 con (chủ yếu lợn con) Bò bị chết 3 con		
				15. Ước tính thiệt hại kinh tế:		
Tháng 5/2012	Hạn hán			14. Số người chết/mất tích:		
				15. Số người bị thương:		
				16. Số nhà bị thiệt hại:		
				17. Số trường học bị thiệt hại:		
				18. Số trạm y tế bị thiệt hại:		
				19. Số km đường bị thiệt hại:		
				20. Số ha rừng bị thiệt hại:		
				21. Số ha ruộng bị thiệt hại:	50ha	
				22. Rau màu bị thiệt hại	90ha	
				23. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:		
				24. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: Cá nuôi bị chết do rét		
				25. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:		
				26. Các thiệt hại khác...: Vật nuôi bị bệnh, giảm năng suất		
				16. Ước tính thiệt hại kinh tế:		
Ghi chú khác						

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[1]	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050	Mức độ thiên tai
			hiện tại	(Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	theo kịch bản
			(Cao/Trung Bình/Thấp)		(Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	Thôn 1	Cao	Tăng dần	
		Thôn 2	Cao	Tăng dần	
		Thôn 3	Cao	Tăng dần	
		Thôn 4	Cao	Tăng dần	
		Thôn 5	Cao	Tăng dần	
2	Lũ lụt	Thôn 1	Cao	Tăng dần	
		Thôn 2	Trung bình	Tăng dần	
		Thôn 3	Trung bình	Tăng dần	
		Thôn 4	Trung bình	Tăng dần	
		Thôn 5	Cao	Tăng dần	
3	Hạn Hán	Thôn 1	Cao	Tăng dần	
		Thôn 2	Cao	Tăng dần	
		Thôn 3	Cao	Tăng dần	
		Thôn 4	Cao	Tăng dần	
		Thôn 5	Cao	Tăng dần	
[1] Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT					

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



(Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH của xã Nga Trung)

4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Đối tượng dễ bị tổn thương															
	Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số		
	Thôn	Nữ	Tổng	Nữ		Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Thôn 1	18	38	35	72	13	35	67	9	22	1	2	9	19		

2	Thôn 2	12	25	31	65	8	25	54	7	15	2	2	9	14		
3	Thôn 3	15	33	33	67	7	30	58	11	20	4	5	8	13		
4	Thôn 4	15	31	34	70	8	32	61	10	18	2	2	7	17		
5	Thôn 5	18	35	42	88	15	43	87	14	25	2	2	15	24		
	Tổng	78	162	175	362	51	165	327	51	100	11	13	48	87	0	0

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Số lượng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Chưa kiên cố	
	Cột điện	Thôn 1	1989	cột	30	25		
	Dây điện		1989	km	6	5		
	Trạm điện		1989	trạm	1	1		
	Cột điện	Thôn 2	1989	cột	25	25		
	Dây điện		1989	km	5	5		
	Trạm điện		1989	trạm	0	0		
	Cột điện	Thôn 3	1989	cột	20	20		
	Dây điện		1989	km	4	4		
	Trạm điện		1989	trạm	1	1		
	Cột điện	Thôn 4	1989	cột	20	20		
	Dây điện		1989	km	4	4		
	Trạm điện		1989	trạm	1	1		
	Cột điện	Thôn 5	1989	cột	40	40		
	Dây điện		1989	km	8	8		
	Trạm điện		1989	trạm	0	0		

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường						
	Đường quốc lộ	Thôn 1	2000	km	1.2		
	Đường tỉnh/huyện		2006	km			
	Đường xã		2015	km		1	
	Đường thôn		2015			1	

	Đường nội đồng		2015			1.62	0.59	
	Đường quốc lộ	Thôn 2		km				
	Đường tỉnh/huyện			km				
	Đường xã			km	0.5			
	Đường thôn			km		1		
	Đường nội đồng			km		1.16	0.72	
	Đường quốc lộ	Thôn 3		km				
	Đường tỉnh/huyện			km				
	Đường xã			km	0.5			
	Đường thôn			km		1		
	Đường nội đồng			km		2.1	0.2	
	Đường quốc lộ	Thôn 4		km				
	Đường tỉnh/huyện			km	1			
	Đường xã			km	0.5			
	Đường thôn			km		1		
	Đường nội đồng			km		3.05		
	Đường quốc lộ	Thôn 5		km				
	Đường tỉnh/huyện			km	0.5			
	Đường xã			km	1			
	Đường thôn			km		1		
	Đường nội đồng			km		1.62	0.84	
	Cầu, Công							
	Cầu giao thông	Thôn 1		cái				
	Cống		2000	cái	1			
	Cầu giao thông	Thôn 2		cái				
	Cống			cái				

	Cầu giao thông	Thôn 3		cái			
	Cống			cái			
	Cầu giao thông	Thôn 4		cái			
	Cống			cái			
	Cầu giao thông	Thôn 5	2015	cái	1		
	Cống		2005	cái	1		
<i>Ghi chú khác</i>							
<i>Hướng dẫn điền</i>							

c) Trường

TT	Trường	Thôn[2]	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng			
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	
	Mầm non	Thôn 3	2003	14	14			1 tầng, không làm nơi trú tránh được
	THCS	Thôn 3	2015	20	20			
	Tiểu học	Thôn 3	2000	16	16			
	THPT	Thôn 1	2004	36	36			
<i>Ghi chú khác</i>								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện[4]							
	Trạm y tế	Thôn 3	2010	8	11	11		
	Cơ sở khám							
<i>Ghi chú khác</i>								
<i>Hướng dẫn điền</i>								

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm

	Công sở xã	Thôn 2	2016	cai	1		
	Nhà Văn hóa xã	Thôn 2	2004	cái		1	
	Nhà văn hóa thôn 1	2	2001, 2004	cái		2	
	Nhà văn hóa thôn 2	2	2001, 2004	cái		2	
	Nhà văn hóa thôn 3	2	2001, 2004	cái		2	
	Nhà văn hóa thôn 4	2	2001, 2004	cái		2	
	Nhà văn hóa thôn 5	2	2001, 2004	cái		2	
Ghi chú khác: Theo chủ trương sáp nhập thôn của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá, Tháng 11/2018, xã Nga Trung tiến hành sáp nhập từ 10 thôn xuống còn 5 thôn, vì vậy hiện nay mỗi thôn có 2 nhà văn hoá vẫn đang được sử dụng song song.							
Hướng dẫn điền							

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
1	Đê	km			0	0
2	Kè	Km			0	0
3	Kênh mương	Km	2004	10,53		25,57
4	Cống thủy lợi	Cái	3	3		
5	Đập thủy lợi	Cái				
6	Trạm bơm	Cái	3	3		
Ghi chú khác: Số liệu chi tiết ở các thôn như sau:						
	Thôn	Đơn vị	Kiên cố	Không kiên cố		
	Thôn 1	Km	2.16	8.07		
	Thôn 2	Km	2.7	4.84		
	Thôn 3	Km	1.13	4.07		
	Thôn 4	Km	2.14	4.82		
	Thôn 5	Km	2.4	3.47		
	Cộng		10.53	25.27		
Hướng dẫn điền						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Thôn 1	274	50	216	8	0
2	Thôn 2	177	27	142	8	0
3	Thôn 3	173	30	140	3	0

4	Thôn 4	189	33	154	2	0
6	Thôn 5	267	45	207	15	0
	Tổng	1080	185	859	36	0

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt				Số hộ sử dụng nhà vệ sinh			
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Thôn 1	274	274					274		
2	Thôn 2	177	177					177		
3	Thôn 3	173	173					173		
4	Thôn 4	189	189					189		
5	Thôn 5	267	167					267		
	Tổng	1080	980					1080		
<p>Ghi chú khác: Người dân trong xã chưa có nước máy để sử dụng. Các hộ chủ yếu khoan giếng để có nước dùng. Chất lượng nước chưa được kiểm định, cộng đồng tự đánh giá chất lượng nước qua độ trong. Độ sâu của các giếng khoan từ 80-120m. 100 hộ tại thôn 5 chưa có giếng phải xin nước của hàng xóm và trữ nước mưa.</p>										

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
12	Sốt rét					
3	Sốt xuất huyết					
4	Viêm đường hô hấp	x	x		x	
5	Tay chân miệng	x				
6	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)					
Ghi chú khác						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

TT	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn			0	0	0	0	0
	Rừng trên cát			0	0	0	0	0

Rừng tự nhiên			0	0	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng			0	0	0	0	0
Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng			0	0	0	0	0
Rừng khác			0	0	0	0	0
Tổng							
Ghi chú khác: Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v.							
Hướng dẫn điền							

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ %	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
Thôn 1							
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	45	67	95	Chủ lực	70%
	- Hoa màu	ha	26	67	95	Chủ lực	95%
	- Cây lâu năm	ha	2		45		
	- Cây hàng năm	ha	10	45	95		
	- Cây ăn quả	ha	0.8		50		
	Chăn nuôi						
	- Gia súc	con	2850				
	- Gia cầm	con	300				
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền xa bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						

	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi: ha	ha	3	8	50		
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Thôn 2							Lúa nước Lạc, dưa hấu
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	25	35	95	Chủ lực	70%
	- Hoa màu	ha	25	35	95	Chủ lực	95%
	- Cây lâu năm	ha	1.5		45		
	- Cây hàng năm	ha	8	35	95		
	- Cây ăn quả	ha	0.5		50		
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc 228	con	400				
	- Gia cầm 1200	con	400				
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi	ha	2.5	7	50		
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Thôn 3							Lúa nước Lạc, dưa hấu
	Trồng trọt ha						
	Lúa	Ha	35	40	95	Chủ lực	70%
	'Hoa màu	ha	20	40	95	Chủ lực	95%

	Cây lâu năm	ha	1.5		45		
	Cây hàng năm	ha	10	40	95		
	Cây ăn quả	ha	0.5		50		
	Chăn nuôi con						
	- Gia súc	con	540				
	- Gia cầm	con	400				
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi 01ha	ha	4.5	10	50		
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Thôn 4							Lúa nước Lạc, dưa hấu
	Trồng trọt						
	- Lúa	Ha	35	35	95	Chủ lực	70%
	- Hoa màu	ha	21	35	95	Chủ lực	95%
	- Cây lâu năm	ha	1.5		45		
	- Cây hàng năm	ha	8	35	95		
	- Cây ăn quả	ha	0.5		50		
	Chăn nuôi						
	- Gia súc	con	1900				
	- Gia cầm	con	400				
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi	ha	1		50		
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						

	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
Thôn 5							Lúa nước
	Trồng trọt						Lạc, dưa hấu
	- Lúa	Ha	40	45	95	Chủ lực	70%
	- Hoa màu	ha	25	30	95	Chủ lực	95%
	- Cây lâu năm	ha	3.5		45		
	- Cây hàng năm	ha	5	35	95		
	- Cây ăn quả	ha	0.5		50		
	Chăn nuôi						
	- Gia súc	con	600				
	- Gia cầm	con	745				
	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	- Người dân đi biển	Người					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	- Tàu thuyền gần bờ	tàu					
	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	- Bãi nuôi	ha					
	- Ao, hồ nuôi	ha	1		50		
	- Lồng bè	cái					
	Du lịch						
	- Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm					
	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm					
	Buôn bán và dịch vụ khác						
<p>Ghi chú: Toàn xã có 327 hộ chăn nuôi, trong đó 9 gia trại lớn nằm rải rác ở các thôn (Thôn 1- 1; thôn 2 -2, thôn 3-3; thôn 4-2, thôn 5-1). Tuy nhiên, toàn xã mới chỉ có 28 hộ xây dựng hầm Biogas để xử lý chất thải chăn nuôi. Các hộ còn lại xử lý chất thải bằng phương pháp thủ công nên xuất hiện mùi phân của trong các khu dân cư, gây ô nhiễm không khí, không gian sống của cộng đồng.</p>							

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
Thôn 1				
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	96	

3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	4
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	98
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	0
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	75
Thôn 2			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	95
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	4
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	60
Thôn 3			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	96
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	4
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	98
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	0
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	45
Thôn 4			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	96
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	4
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	98
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0

6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	0
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	50
Thôn 5			
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	96
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	cái	4
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	98
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Không có	0
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	65

13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	DVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BDKH hàng năm	Thôn	5	Thôn 1,2,3,4,5
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	Mầm non, THCS, Tiểu học
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	5	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	25	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	2	Thành viên
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	50	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	10	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	3	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	- Áo phao	Chiếc	7	
	- Loa	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	25	
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	

	- Lều bạt	Chiếc		
	- Xe vận tải	Chiếc	3	
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng			
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	2 cơ số	
10	Khác....			
<i>Ghi chú khác</i>				
<i>Hướng dẫn điền</i>				

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn	Thôn2	Thôn 3	Thôn4	Thôn 5	Khả năng của xã
		1					(Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
		95% dân có kiến thức	95% dân có kiến thức	95% dân có kiến thức	95% dân có kiến thức	95% dân có kiến thức	
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng						
	- Điện	100	100	100	100	100	
	- Đường và cầu cống	100	100	100	100	100	
	- Trường	100	100	100	100	100	
	- Trạm	100	100	100	100	100	
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	100	100	100	100	100	
	- Chợ						
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	100% công trình	100% công trình	100% công trình	100% công trình	100% công trình	
4	Kỹ năng và kiến thức chống nhà cửa	100	100	100	100	100	
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	98% hộ dân	98 hộ dân	98% hộ dân	98 hộ dân	98% hộ dân	
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế	100%	100%	100%	100%	100%	
	Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân						
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý						
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	100%	100%	100%	100%	100%	
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	95%	95%	95%	95%	95%	
	Khả năng của thôn	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	Trung bình	
	(Cao, Trung Bình, Thấp)						
	Ghi chú khác						
Hướng dẫn điền:							
- Lưu ý điền kết quả đánh giá khả năng của xã theo cột (cột cuối cùng) và của từng thôn theo hàng ngang (10) – Chỉ điền mức độ (cao hoặc thấp, hoặc trung bình)							
- Chỉ điền cho các thôn có năng lực cho các lĩnh vực cụ thể.							

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - có 895 nhà bán kiên cố và 36 nhà cấp 4 đã xuống cấp, hư hỏng nặng không an toàn khi có bão - 2,35/11,9km đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố hoá. - Đường liên thôn của thôn 1 là 1,3km và thôn 5 là 1,5 km là đường đất - Đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai tại các thôn bao gồm: người cao tuổi: 327 người trong đó có 165 nữ, Trẻ em dưới 5 tuổi là 162 (78 nữ) người khuyết tật là 100 (51 nữ), người bị bệnh hiểm nghèo: 13 chủ yếu là Nữ giới, phụ nữ đơn thân: 9, người nghèo 87 người (37 nữ). Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 80%. Hộ nghèo 35, cận nghèo 109 Các cơ sở chăn nuôi đa số không có hầm Biogas rất dễ gây ô nhiễm môi trường (299/327 hộ) Mục này nằm ở SX- KD Hệ thống truyền thanh: 40% loa không đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng đến thông tin tuyên truyền, cảnh báo. Cái này nằm ở Nhận thức- Kinh nghiệm vì mục Vật chất chỉ tính Điện- Đường- Trường- Trạm <p>*Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích trong các thôn thường đi làm ăn xa nên thay đổi thường xuyên, thiếu trang thiết bị và chưa được tập huấn kỹ năng nên còn hạn chế trong thực hiện ứng phó với thiên tai. - Công tác tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên; Sự phối hợp của các ban ngành còn hạn chế. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 60% người dân thiếu kiến thức hiểu biết về BĐKH, do đó công tác phòng chống thiên tai không quan tâm thường xuyên . - Một số hộ dân còn chủ quan chưa nghiêm chỉnh chấp hành lệnh sơ tán. 	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong toàn xã có 4 trường học, 1 trạm y tế, trụ sở UBND được xây dựng kiên cố; có thể làm nơi sơ tán cho người dân vùng nguy cơ cao. - Cả 5 thôn có 134 cột điện và 4 trạm điện, 6.7km hệ thống dây điện kiên cố đảm bảo điện sinh hoạt cho người dân trong thôn - Đường liên thôn ở 5 thôn được bê tông hóa thuận lợi cho việc đi lại của người dân. 9,55km đường giao thông nội đồng đã được bê tông hoá. <p>*Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu ban PCTT các thôn được kiện toàn hàng năm mỗi thôn có 17 người (3 nữ). - Trong một số cuộc họp thôn có lồng ghép nội dung PCTT. - Các ban ngành đoàn thể của xã thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về PCTT. - Một số đoàn thể đã phát động phong trào quyên góp giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn khi bị thiệt hại sau thiên tai. <p>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn 100% (<i>Trường thôn và các đoàn thể trong thôn có nhiệm vụ thông báo đến các hộ đặc biệt khó khăn khi có tình huống khẩn cấp</i>) Số loa truyền thanh của xã: 20 cái; Hệ thống loa truyền thanh củ thôn 20 cái (mỗi thôn 4 cái)</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ dân sống trong vùng có 	<p>Nguy cơ người chết và bị thương khi có Bão.</p>	<p>Trung bình (ở các thôn 1,2,3,4. Cao (ở thôn 5)</p>

				<p>nguy cơ ngập lụt đã được trang bị kinh nghiệm trong PCTT, hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ.</p> <p>- Người dân có tinh thần đoàn kết hỗ trợ giúp đỡ nhau khi hoạn nạn.</p>		
<p>Ghi chú: Trong quá khứ cũng như trong phương án ứng phó với bão của xã, mỗi khi có bão kèm mưa to, gây ra lụt thì thôn 5 là thôn được ưu tiên sơ tán dân trước vì thôn này giáp xã Nga Bạch, gần cửa sông Lạch Sung là nơi có nguy cơ cao với triều cường gây ngập lụt khu dân cư.</p>						
Lụt	Thôn 1, thôn 5	541 Hộ trong đó thôn 1 là 274 hộ, thôn 5 là 267 hộ	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong xã có 2 thôn có 271 hộ nằm ở trong vùng thấp, trung, gần hệ thống các kênh mương . - 36 nhà cấp 4 xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo an toàn khi có mưa lớn. - Đường giao thông liên thôn được bê tông hóa nhưng chưa có hệ thống rãnh thoát nước khi gặp lụt thường hay bị ngập nước dẫn đến việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn. - Đường liên thôn của thôn 1 là 1,3km và thôn 5 là 1,5 km là đường đất dễ bị ngập lụt. - Đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai của 2 thôn tương đối nhiều, bao gồm: Người cao tuổi: 154 (78 nữ), Trẻ em dưới 5 tuổi: 73; khuyết tật 47 (nữ 23), người bị bệnh hiểm nghèo 04 (nữ 3), phụ nữ làm chủ hộ: 20, Hộ nghèo 19. 93% hộ chăn nuôi không có hầm biogas, <p>*Tổ chức - xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích của 2 thôn chủ yếu là lực lượng thanh niên, lực lượng này thường xuyên đi làm ăn xa nên thay đổi thường xuyên và chưa được tập huấn kỹ năng. - Các trang thiết bị cho đội xung kích chưa được trang bị đầy đủ vì vậy chưa chủ động cho việc ứng phó khi có thiên tai xảy ra. - Các cụm loa sử dụng lâu năm, 40% bị hư hỏng, xuống cấp nên không đảm bảo cho công tác tuyên truyền và dự báo cảnh báo khi có thiên tai. - Công tác tuyên truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên; Sự phối hợp của các ban ngành về PCTT còn hạn chế. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 40% người dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH. - Một số hộ dân chưa quan tâm đến công tác PCTT/TU/BĐKH - Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 80% 	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong 2 thôn có 47 nhà cao tầng; nhà kiên cố 175 và 2 nhà thờ kiên cố có thể làm nơi sơ tán tại chỗ cho các hộ vùng thấp trung. - Có 55 cột điện và 02 trạm điện, 2,75 km hệ thống dây điện kiên cố cung cấp đủ điện sinh hoạt cho người dân - 2.2 km đường liên thôn đã được bê tông hóa. <p>*Tổ chức - xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu ban phòng chống thiên tai trong thôn có 17 người (13 nam, 4 nữ). - Trong các cuộc họp thôn và các tổ chức đoàn thể có lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH. - Các ban ngành đoàn thể của xã những năm gần đây thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về PCTT/BĐKH. Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn 100% Số loa truyền thanh: 16 cái <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong những năm gần đây đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao nên 60% hộ dân quan tâm đến PCTT, đa số hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ. - Một số hộ có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm chuẩn bị cho mùa thiên tai. 	- Nguy cơ người dịch bệnh khi có Lụt	Cao

<p>Ghi chú: Nếu Lụt đơn thuần do mưa lớn thì hai thôn này có mức độ rủi ro như nhau và chủ yếu ảnh hưởng đến ruộng lúa và hoa màu vì cả hai thôn đều có địa hình trũng thấp. Nếu Lụt do mưa và bão gây ra thì rủi ro về người của thôn 5 cao hơn, vì như trên (với loại hình bão) đã đề cập, thôn 5 nằm ở phía đông của xã, tiếp giáp với xã Nga Bạch, gần cửa sông Lạch Sung nên dễ bị ảnh hưởng bởi lụt và triều cường.</p>						
Lụt	Thôn 2, 3,4	Tổng số hộ :539. Trong đó thôn 2 là 177 hộ, thôn 3 là 173 hộ, thôn 4 là 189 hộ	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 thôn có 175 hộ nằm ở trong vùng thấp, trũng. - Đường giao thông liên thôn được bê tông hóa nhưng có đoạn còn nhỏ hẹp khi gặp lụt lớn có thể bị ngập nước dẫn đến việc đi lại của nhân dân gặp nhiều khó khăn. - Đối tượng dễ bị tổn thương cần hỗ trợ khi có thiên tai của 3 bao gồm: Người cao tuổi:45 (25nam và 20 nữ), Trẻ em dưới 5 tuổi: 76 ; khuyết tật 15 (nữ 8), người bị bệnh hiểm nghèo 03 (nữ 1), phụ nữ đơn thân: 9, người nghèo 17. - Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 80% - 91,4% (170/186) hộ chăn nuôi chưa có hầm biogas gây phát tán chất thải khi có thiên tai. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích của 3 thôn chủ yếu là lực lượng thanh niên, lực lượng này thường xuyên đi làm ăn xa nên thay đổi thường xuyên và chưa được tập huấn kỹ năng. - Các trang thiết bị cho đội xung kích chưa được trang bị đầy đủ vì vậy chưa chủ động cho việc ứng phó khi có thiên tai xảy ra. - Các cụm loa sử dụng lâu năm, 40% bị hư hỏng, xuống cấp nên không đảm bảo cho công tác tuyên truyền và dự báo cảnh báo khi có thiên tai. - Công tác truyền truyền về PCTT/BĐKH chưa thường xuyên; Sự phối hợp của các ban ngành về PCTT còn hạn chế. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 40% người dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH. - Một số hộ dân chưa quan tâm đến công tác PCTT/TUBĐKH 	<p>*Vật Chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong 3 thôn có 29 nhà cao tầng; nhà kiên cố 123 cố có thể làm nơi sơ tán tại chỗ cho các hộ nằm ở vùng thấp trũng. - Có 95 cột điện và 02 trạm điện, 4,94 km hệ thống dây điện kiên cố cung cấp đủ điện sinh hoạt cho người dân - 3.5 km đường liên thôn đã được bê tông hóa. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiểu ban phòng chống thiên tai trong thôn có 17 người (13 nam, 4 nữ). - Trong các cuộc họp thôn và các tổ chức đoàn thể có lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH. - Các ban ngành đoàn thể của xã những năm gần đây thường xuyên tổ chức tuyên truyền phổ biến kiến thức về PCTT/BĐKH. Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96% Số loa truyền thanh: 24 cái <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong những năm gần đây đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao nên 60% hộ dân quan tâm đến PCTT, đa số hiểu biết về phương châm 4 tại chỗ. - Một số hộ có ý thức dự trữ lương thực, thực phẩm chuẩn bị cho mùa thiên tai. 	Nguy cơ người bị dịch bệnh khi có Lụt	Thấp
<p>Ghi chú: Bình thường thì lụt ảnh hưởng đến thôn 1 và thôn 5. Nhưng có những trận lụt lịch sử thì sẽ bị ngập cả xã (chu kỳ khoảng 10 năm/lần).</p>						
Rét	Toàn xã	1080	<ul style="list-style-type: none"> - Rét hại xu hướng ngày càng nhiều, nhiệt độ xuống thấp có năm dưới 10 độ C, kéo dài nhiều ngày nên bị ảnh hưởng đến sức khỏe của người già và trẻ em. - Đối tượng dễ bị tổn đối với rét: người cao tuổi: 327 người trong đó có 165 nữ, Trẻ em dưới 5 tuổi là 162 (78 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị chống rét cá nhân ở các gia đình đã đảm bảo. - Trạm y tế đã tiêm phòng cho phụ nữ mang thai và trẻ em - 87% có BHYT 	Nguy cơ mắc các bệnh về đường hô hấp ở người già và trẻ em	Trung bình

			nữ) người khuyết tật là 100 (51 nữ), người bị bệnh hiểm nghèo: 13 chủ yếu là Nữ giới, phụ nữ đơn thân: 9, người nghèo 87 người (37 nữ). Phụ nữ và trẻ em chưa biết bơi: 80%. Hộ nghèo 35, cận nghèo 109		
....	<i>Ghi chú khác:</i>				

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường điện sau công tơ xuống cấp mất an toàn 10% (trụ điện sau công tơ chủ yếu làm bằng cột tre, gỗ..). - Cả 5 thôn có 2,35km đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa. - 10 Nhà văn hoá của 5 thôn ở tình trạng bán kiên cố, không an toàn khi có bão. - Trường THPT và trường THCS, Tiểu học có cây to, có thể gãy đổ làm hư hỏng tường rào và một số phòng học của trường. <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số tuyến đường liên thôn người dân phải tự đóng góp 80% kinh phí, nhà nước chỉ hỗ trợ 20%. - Nguồn thu của thôn không có, chủ yếu do phân bổ của xã nên không có khả năng sửa chữa nâng cấp khi các công trình bị hư hỏng nên khi có thiên tai/BĐKH rất bị động <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số phương tiện vận tải chở quá tải thường xuyên đi lại trên đoạn đường giao thông nên các tuyến đường xuống cấp nhanh chóng - Một số hộ dân kinh tế khó khăn, làm nông nghiệp là chủ yếu nên thu nhập thấp do đó việc đóng góp cho các công trình còn hạn chế. 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trụ điện được làm bằng bê tông kiên cố, hệ thống đường dây đảm bảo cung cấp đủ điện cho sinh hoạt. - Có 2,5 km đường liên xã, 9,55 km đường giao thông nội đồng kiên cố đáp ứng nhu cầu đi lại cho người dân. <p>Công sở UBND xã, 4 trường học, trạm y tế kiên cố, cao tầng có thể sử dụng làm nơi tránh trú.</p> <p>*Tổ chức xã hội: Hàng năm chính quyền có hỗ trợ nguồn kinh phí để tu bổ, nâng cấp một số công trình bị xuống cấp. Xã đã có chủ trương đầu tư 1km đường liên thôn của thôn 5. Các trường có kế hoạch chặt tỉa cành nhánh cây to khi có dự báo thiên tai.</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <p>Đa số người dân có ý thức tham gia đóng góp kinh phí để xây dựng các công trình trên tinh thần " nhà nước và nhân dân cùng làm".</p>	<p>Một số tuyến đường giao thông sạt lở, không an toàn đi lại khi có TT/ BĐKH</p> <p>10 nhà văn hoá thôn có nguy cơ tốc mái, hư hỏng. Các trường học có nguy cơ bị hư hỏng</p>	<p>Trung bình</p> <p>Cao</p> <p>Trung bình</p>

Lục	Thôn 1, thôn 5	541 Hộ trong đó thôn 1 là 274 hộ, thôn 5 là 267 hộ	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - ở 2 thôn có 2,8 km đường giao thông liên thôn chưa được kiên cố hóa, (đường đất) nên không đảm bảo cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa khi thu hoạch của người dân. - 2 thôn có 25 cống thoát nước chưa kiên cố thường xuyên bị bồi lấp không thoát nước kịp thời nên đường giao thông bị ứ đọng nước dẫn đến đi lại không thuận tiện. <p>1,43km đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố.</p> <p>*Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở thôn không có kinh phí để sửa chữa, tu bổ các tuyến đường bị sạt lở sau thiên tai. - Việc đầu tư kinh phí, phân bổ chỉ tiêu làm đường giao thông hàng năm cho thôn còn ít <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức của một số chủ phương tiện vận tải kém, thường xuyên chở quá tải đi lại trên đường giao thông nên các tuyến đường xuống cấp nhanh chóng - Thu nhập của người dân thấp do làm nông nghiệp nên đóng góp cho hạ tầng cơ sở còn hạn chế. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 thôn có 55 cột điện kiên cố với 2.7 km dây điện đảm bảo cung cấp đủ điện sinh hoạt cho người dân. - Ở các thôn có đường giao thông liên xã, liên thôn và 3.24 km đường giao thông nội đồng được bê tông hóa cơ bản đáp ứng việc đi lại thuận lợi của người dân. <p>* Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã về đích nông thôn mới vào cuối năm 2016 nên đã được đầu tư một số công trình cho các thôn. - Xã đã hỗ trợ kinh phí cho các thôn sửa chữa nâng cấp đường hư hỏng khi có thiên tai. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức tham gia đóng góp trên tinh thần "nhà nước và nhân dân cùng làm". Nên sử dụng con số %, tránh dùng "đa số, một số" - Một số hộ dân đã có ý thức bảo vệ tuyến đường, vệ sinh, khơi thông cống rãnh. 	- Một số tuyến đường giao thông sạt lở, không an toàn đi lại khi có lụt	Trung bình
Lục	Thôn 2, 3,4	539	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - ở 3 thôn có 0.92km đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố hóa, (đường đất) nên không đảm bảo cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa khi thu hoạch của người dân. - 3 thôn có 56 cống thoát nước chưa kiên cố thường xuyên bị bồi lấp không thoát nước kịp thời nên đường giao thông bị ứ đọng nước dẫn đến đi lại không thuận tiện <p>*Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở thôn không có kinh phí để sửa chữa, tu bổ các tuyến đường bị sạt lở sau thiên tai. - Việc đầu tư kinh phí, phân bổ chỉ tiêu làm đường giao thông hàng năm cho thôn còn ít <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức của một số chủ phương tiện vận tải kém, thường xuyên chở quá tải đi lại trên đường giao thông nên các tuyến đường xuống cấp nhanh chóng - Thu nhập của người dân thấp do làm nông nghiệp nên đóng góp 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 thôn có 79 cột điện kiên cố với 3.95 km dây điện đảm bảo cung cấp đủ điện sinh hoạt cho người dân. - Ở các thôn có đường giao thông liên xã, liên thôn và 1.0 km đường giao thông nội đồng được bê tông hóa cơ bản đáp ứng việc đi lại thuận lợi của người dân. <p>Các công trình UBND xã, Trạm y tế, các trường học trên địa bàn và các nhà văn hoá thôn đều ở nơi cao không bị ảnh hưởng bởi lụt.</p> <p>* Tổ chức -xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã về đích nông thôn mới vào cuối năm 2016 nên đã được đầu tư một số công trình cho các thôn. - Xã đã hỗ trợ kinh phí cho các thôn sửa chữa nâng cấp đường hư hỏng khi có thiên tai. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức tham gia đóng góp trên tinh thần 	Một số tuyến đường giao thông sạt lở, không an toàn đi lại khi có lụt	Thấp

			cho hạ tầng cơ sở còn hạn chế	"nhà nước và nhân dân cùng làm". - Một số hộ dân đã có ý thức bảo vệ tuyến đường, vệ sinh, khơi thông cống rãnh.		
....	Ghi chú khác					

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1, 5	541	<p>*Vật chất - 2 thôn có 11,54km kênh mương chưa được kiên cố thường xuyên bị ách tắc dòng chảy không đảm bảo cho tưới - tiêu. - Các thôn có 19 cống đầu mương đã xuống cấp thường xuyên bị bồi lấp.</p> <p>*Tổ chức – xã hội: - Do nguồn kinh phí bố trí để kiên cố hóa kênh mương còn hạn hẹp nên hệ thống kênh mương không được duy tu nạo vét thường xuyên. - Ở xã không bố trí kinh phí để xây dựng trạm bơm nên không chủ động được việc điều tiết nước để phục vụ sản xuất.</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ. - Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương. - Người dân chủ yếu làm nghề nông nghiệp thu nhập thấp nên chưa tự giác đóng phí để kiên cố hóa hệ thống kênh mương cầu cống.. - Ý thức bảo vệ kênh mương còn hạn chế vứt rác thải, rom rạ xuống kênh mương</p>	<p>*Vật chất - 2 thôn có 4.56 km kênh mương đảm bảo cho việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp - Có 1 cầu đã được kiên cố hóa - Thôn 5 có 1 cống ngăn mặn trên Kênh Sao Sa (đoạn tiếp giáp xã Nga Bạch) mới được nâng cấp.</p> <p>*Tổ chức- xã hội - Hàng năm đã vận động đoàn viên thanh niên vớt bèo nạo vét kênh mương khơi thông dòng chảy. - Hàng năm thôn đã vận động người dân đóng góp kinh phí để tu sửa hệ thống máy bơm nước phục vụ sản xuất và vận động người dân đóng góp kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm. - Cán bộ thủy lợi thường xuyên thông báo lịch bơm nước để các hộ dân chủ động tưới tiêu.</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ. - Đa số người dân có ý thức đóng góp kinh phí để nạo vét kênh mương - Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng.</p>	Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới - tiêu khi có Lụt	Cao
Lụt	Thôn 2,3,4	539	<p>*Vật chất - 3 thôn có 13.73 km kênh mương chưa được kiên cố thường xuyên bị ách tắc dòng chảy không đảm bảo cho tưới - tiêu. - Các thôn có 57 cống đầu mương đã xuống cấp có nguy bị</p>	<p>*Vật chất - 3 thôn có 5.97 km kênh mương đảm bảo cho việc tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp - Có 1 cầu đã được kiên cố hóa</p> <p>*Tổ chức- xã hội - Hàng năm đã vận động đoàn viên thanh niên vớt bèo nạo vét kênh</p>	Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới - tiêu	Thấp

			<p>bồi lấp.</p> <p>*Tổ chức – xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do nguồn kinh phí bố trí để kiên cố hóa kênh mương còn hạn hẹp nên hệ thống kênh mương không được duy tu nạo vét thường xuyên. - Ở xã không bố trí kinh phí để xây dựng trạm bơm nên không chủ động được việc điều tiết nước để phục vụ sản xuất. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương. - Người dân chủ yếu làm nghề nông nghiệp thu nhập thấp nên chưa tự giác đóng phí để kiên cố hóa hệ thống kênh mương cầu cống.. - Ý thức bảo vệ kênh mương còn hạn chế vứt rác thải, rom rạ xuống kênh mương 	<p>mương khơi thông dòng chảy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm thôn đã vận động người dân đóng góp kinh phí để tu sửa hệ thống máy bơm nước phục vụ sản xuất và vận động người dân đóng góp kinh phí để nạo vét kênh mương hàng năm. - Cán bộ thủy lợi thường xuyên thông báo lịch bơm nước để các hộ dân chủ động tưới tiêu. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức đóng góp kinh phí để nạo vét kênh mương - Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng. 	<p>khí có Lụt</p>	
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 25.27/35.8 km kênh mương chưa được kiên cố hóa và thường xuyên bị ách tắc dòng chảy không đảm bảo cho sản xuất. - 5 thôn có 76 công đầu mương đã xuống cấp và 7 km kênh mương chưa được nạo vét <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do nguồn kinh phí của xã rất hạn hẹp nên hệ thống kênh mương không được duy tu nạo vét thường xuyên. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn trông chờ vào hợp tác xã, chưa phối hợp để nạo vét kênh mương, khắc phục hậu quả sau bão. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn có 10.53 km kênh mương kiên cố đảm bảo cho việc tưới- tiêu phục vụ sản xuất. - Có 35 công thoát nước đã được kiên cố hóa - Có 2 trạm bơm kiên cố <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hợp tác xã quản lý kênh mương, nạo vét và điều tiết nước tưới tiêu khi vào vụ - Cán bộ thủy lợi thường xuyên đôn đốc để nhân dân khắc phục hậu quả sau bão. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức đóng góp để nạo vét kênh mương để khắc phục hậu quả sau bão. - Một số hộ chủ động nạo vét kênh mương, có trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ thống kênh mương nội đồng. 	<p>Kênh mương bị sạt lở bồi lấp không đảm bảo tưới- tiêu khi có thiên tai/ BDKH</p>	Thấp
<i>Ghi chú khác</i>						

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn có 859 nhà ở bán kiên cố. 36 nhà cấp 4 xuống cấp. Hộ nghèo 35, cận nghèo 109, phụ nữ là chủ hộ 38. Những hộ nghèo thường là những hộ làm nông nghiệp thu nhập thấp, không có thêm nghề phụ, thiếu lao động nên không có đủ tiền xây dựng nhà kiên cố. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa tuyên truyền phổ biến rộng rãi cho người dân về xây dựng nhà chống bão lũ nên đa số làm nhà theo truyền thống. - Địa hình rộng, nam giới đi làm ăn xa nên thiếu nhân lực để hỗ trợ bà con chằng chống nhà cửa. - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân còn chủ quan, chưa chủ động chằng chống nhà cửa trước mùa thiên tai. - Có 50% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lũ. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn có 185 nhà kiên cố trong đó có 76 nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao và các nhà thiếu kiên cố. - xã có 936 hộ khá và hộ giàu, có điều kiện chủ động kiên cố nhà ở. - Một số hộ dân đã xây dựng nhà kiên cố có thiết kế phòng chống bão lũ. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cảnh báo sớm thiên tai của xã: <i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 40 cái</i> - Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ chằng chống nhà cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách phụ nữ đơn thân. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân đã có ý thức tích góp kinh phí để xây dựng nhà kiên cố. - 30% hộ dân có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống bão lũ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở có nguy cơ bị sập đổ, tốc mái, hư hỏng khi có thiên tai /BĐKH 	Cao
Lụt	Thôn 1, 5	541	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai thôn có 41 nhà ở bán kiên cố, và ở vùng trũng thấp, người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp nên chưa có điều kiện để di dời hoặc xây dựng nhà kiên cố đảm bảo cho việc phòng chống lụt. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu chưa thường xuyên truyền thống. - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 50% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống lụt. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn có 500 nhà kiên cố trong đó có 47 nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao bị ngập lụt. - Một số hộ dân đã xây dựng nhà kiên cố có thiết kế phòng chống lụt. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ nhân dân trong phòng chống lụt cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách phụ nữ đơn thân. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân đã có ý thức tích góp kinh phí để xây dựng nhà kiên cố. - 30% hộ dân có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống lụt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà ở có nguy cơ bị ngập nước dẫn tới hư hỏng, xuống cấp khi có lụt 	Trung bình

Lục	Thôn 2,3,4	359	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn có 44 nhà ở bán kiên cố, và ở vùng trũng thấp, người dân làm nông nghiệp thu nhập thấp nên chưa có điều kiện để di dời hoặc xây dựng nhà kiên cố đảm bảo cho việc phòng chống lụt. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền về phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu chưa thường xuyên truyền thông. Mục này đưa xuống phần nhận thức, kinh nghiệm - Đội xung kích thường xuyên thay đổi, thiếu trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chưa được tập huấn nên thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ neo đơn <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 70% hộ dân thường làm nhà theo kiểu truyền thống, chưa có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống lụt. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn có 495 nhà kiên cố trong đó có 29 nhà cao tầng có thể làm điểm để sơ tán tại chỗ cho những hộ sống ở vùng nguy cơ cao bị ngập lụt. - Một số hộ dân đã xây dựng nhà kiên cố có thiết kế phòng chống lụt. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phân công đội xung kích xuống giúp đỡ nhân dân trong phòng chống lụt cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách phụ nữ đơn thân. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân đã có ý thức tích góp kinh phí để xây dựng nhà kiên cố. - 30% hộ dân có ý thức xây dựng theo thiết kế nhà chống lụt. 	Nhà ở có nguy cơ bị ngập nước dẫn tới hư hỏng, xuống cấp khi có lụt	Thấp
....	Ghi chú khác					

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	Thôn 1, 5	541	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 70% hộ chưa có công trình tự hoại. - Các hộ chăn nuôi còn thải chất thải trực tiếp ra hệ thống kênh mương nội đồng, dễ gây ô nhiễm môi trường. - Tỷ lệ hộ chăn nuôi xây dựng biogas còn thấp (12/141 hộ) = 8,5% - Các nơi công cộng chưa có thùng rác. Nếu đặt thùng rác thì ai quản lý và chi phí lấy từ đâu? (phân giải pháp) - Nhân dân phải mua bình nước sạch để sử dụng tốn kém kinh tế. 100 hộ ở thôn 5 chưa có giếng khoan, không chủ động nước sinh hoạt. Các giếng khoan của người dân chưa được kiểm nghiệm chất lượng nước. <p>*Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hình thức xử phạt đối với các dịch vụ cung ứng vật tư kém chất lượng. - Xã chưa bố trí kinh phí xây dựng hệ thống nước sạch. - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai thôn có 450 hộ gia đình dùng nước giếng khoan, khoan sâu 80 đến 100 m. - 2 thôn có nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại 541 hộ. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nông thôn mới nên các đoàn thể tích cực truyền truyền vận động vệ sinh môi trường - Có đội ngũ thu gom rác thải của xã thu gom mỗi tuần 2 lần. - Đã xây bể để đựng vô thuốc bảo vệ thực vật. - Đã tuyên truyền tại các cuộc họp thôn về vệ sinh môi trường. - Hội phụ nữ xã đã tuyên truyền vận động hội viên trồng hoa hai bên đường để tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp. - Ngoài ra các kênh để tiếp nhận thông tin, nâng cao nhận thức của xã gồm: <i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> 	- Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có Lụt xảy ra.	Cao

			<p>cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao, đã có lịch thu gom rác thải nhưng vẫn vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống kênh, mương. Chiếm bao nhiêu % trong cộng đồng dân cư? - Vỏ thuốc BVTV chưa bỏ vào nơi quy định, còn lạm dụng thuốc quá nhiều ảnh hưởng đến môi trường - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm bioga để xử lý chất thải gia súc, gia cầm. Còn một số ít hộ dân chưa chủ động tiếp thu thông tin qua các kênh thông tin đại chúng. Chiếm bao nhiêu % 	<p><i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 16 cái</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ chấp hành tốt việc thu gom rác thải, một số hộ chăn nuôi đã có bể bioga. Tỷ lệ % - Một số hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường Chiếm bao nhiêu % 		
Lục	Thôn 2,3,4	539	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 60% hộ chưa có công trình tự hoại. - Các hộ chăn nuôi còn thải chất thải trực tiếp ra môi trường. - Các nơi công cộng chưa có thùng rác - Nhân dân phải mua bình nước sạch để sử dụng tốn kém kinh tế. - Tỷ lệ hộ chăn nuôi xây hầm biogas thấp (16/186 hộ). Chất thải chăn nuôi xả thẳng ra các kênh mương nội đồng. khi có lụt làm phát thải ô nhiễm trên diện rộng. Ngoài ra, các trang trại, gia trại chăn nuôi để mùi phân phát tán ra môi trường, gây mùi hôi khó chịu, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng <p>*Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hình thức xử phạt đối với các dịch vụ cung ứng vật tư kém chất lượng. - Xã chưa bố trí kinh phí xây dựng hệ thống nước sạch. - Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường còn hạn chế, chưa thường xuyên, chưa có sự phối hợp giữa các ban ngành. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ ý thức về vệ sinh môi trường chưa cao, đã có lịch thu gom rác thải nhưng vẫn vứt rác bừa bãi ra đường hoặc xuống kênh, mương. - Vỏ thuốc BVTV chưa bỏ vào nơi quy định, còn lạm dụng thuốc quá nhiều ảnh hưởng đến môi trường - Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa có hầm bioga để xử lý chất thải gia súc, gia cầm 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 539 hộ gia đình đã dùng nước giếng khoan sâu 100m (100%) - 100% hộ dân trong 3 thôn có nhà vệ sinh tự hoại và bán tự hoại. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nông thôn mới nên các đoàn thể tích cực truyền truyền vận động vệ sinh môi trường - Có đội ngũ thu gom rác thải của xã thu gom mỗi tuần 2 lần. - Đã xây bể để đựng vỏ thuốc bảo vệ thực vật. - Đã tuyên truyền tại các cuộc họp thôn về vệ sinh môi trường. - Hội phụ nữ xã đã tuyên truyền vận động hội viên trồng hoa hai bên đường để tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số hộ chấp hành tốt việc thu gom rác thải, một số ít hộ chăn nuôi đã có bể bioga. - Khoảng 50% hộ đã tự giác khơi thông cống rãnh bảo vệ vệ sinh môi trường. 	- Ô nhiễm môi trường trên diện rộng khi có lụt xảy ra.	Thấp
....	Ghi chú khác					

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
H					H	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lục	Thôn 1, 5	541	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế được xây dựng năm 2010 có chiều hướng xuống cấp. -Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai. - 15% dân số của hai thôn chưa có bảo hiểm y tế. - Trạm y tế thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân khi có thiên tai. - Người dân chưa thường xuyên khám sức khỏe định kỳ. - 90% các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế. - Các cán bộ y tế thôn/ xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân ý thức về vệ sinh phòng dịch còn hạn chế, chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị bệnh ở nhà - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám. - Người dân thiếu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thôn có 1 y tế viên được đào tạo và có trách nhiệm công việc cao. - Trên 85% người dân có bảo hiểm y tế. - 100% trẻ em và phụ nữ có thai đã được tiêm phòng đầy đủ. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế đã tổ chức tuyên truyền về phòng ngừa dịch bệnh, phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai. - 10% người dân đã có tủ thuốc gia đình - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã tham gia BHYT tự nguyện. - Đa số người dân đã có ý thức dọn dẹp VSMT sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh định kỳ. 	<p>Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai bùng phát.</p>	<p>Trung bình</p>
Lục	Thôn 2,3,4	539.	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế được xây dựng năm 2010 có chiều hướng xuống cấp. -15% dân số chưa có bảo hiểm y tế. -Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai - Trạm y tế thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân khi có thiên tai. - Đa số người dân chưa thường xuyên khám sức khỏe định kỳ. - 80% các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế, đôi lúc chưa kịp thời. - Các cán bộ y tế thôn/ xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số người dân ý thức về vệ sinh phòng dịch còn hạn chế, chưa mua thuốc theo đơn của Bác sĩ, tự ý mua thuốc, tự điều trị bệnh ở nhà 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thôn có 1 y tế viên. - Trên 85% người dân có bảo hiểm y tế. - 100% trẻ em và phụ nữ có thai đã được tiêm phòng đầy đủ. - 20% người dân đã có tủ thuốc gia đình <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế đã tổ chức tuyên truyền về phòng ngừa dịch bệnh, phun thuốc khử trùng và thuốc diệt muỗi sau thiên tai. - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân đã tham gia BHYT tự nguyện. - Đa số người dân đã có ý thức dọn dẹp VSMT sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh định kỳ. 	<p>Nguy cơ dịch bệnh ở người sau thiên tai bùng phát.</p>	<p>Thấp</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có bị đau mới đi khám. - Người dân thiếu kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm 			
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế được xây dựng năm 2010 có chiều hướng xuống cấp. -Thiếu thuốc dự phòng và hóa chất xử lý nước trong thiên tai - Trạm y tế thiếu trang thiết bị, máy móc phục vụ khám chữa bệnh. - Cơ sở thuốc tại trạm y tế chưa đủ để phục vụ cho người dân khi có thiên tai. - Đa số người dân chưa thường xuyên khám sức khỏe định kỳ. - 80% các hộ dân chưa có tủ thuốc gia đình. - Một số thôn ở vùng trũng, thường bị bão lụt, xác súc vật chết, trôi nổi khắp nơi gây ô nhiễm môi trường nên sau thiên tai thường xảy ra dịch bệnh như: Sốt xuất huyết, đường ruột, mắt đỏ, ngoài da, bệnh tiêu chảy, viêm nhiễm phụ khoa ở phụ nữ. <p>*Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả 5 thôn y tế thôn trình độ chưa cao. - Trạm y tế thiếu thuốc dự phòng, xử lý nguồn nước. - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân thiếu ý thức về an toàn thực phẩm. - Chưa mua thuốc theo đơn của bác sỹ, tự mua thuốc điều trị, không khám bệnh định kỳ. - 15% người dân chưa mua BHYT 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thôn có 1 y tế viên. - Trên 85% người dân có bảo hiểm y tế. - 100% trẻ em và phụ nữ có thai đã được tiêm phòng đầy đủ. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế đã tuyên truyền về phòng ngừa dịch bệnh, phun thuốc khử trùng sau lũ lụt kịp thời. - 20% người dân đã có tủ thuốc gia đình - Công tác kiểm tra an toàn thực phẩm được quan tâm hơn <p>**Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% người dân đã tham gia BHYT tự nguyện. - Đa số người dân đã có ý thức dọn dẹp VSMT sau thiên tai. - Một số người dân đi khám bệnh định kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ Dịch bệnh ở người sau thiên tai/ BDKH xảy ra Trạm y tế bị hư hỏng, xuống cấp khi có bão 	<p>Cao</p> <p>Trung bình</p>
....	<i>Ghi chú khác</i>					

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1, 5	541 Hộ trong đó thôn 1 là 274 hộ,	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường mầm non cấp 4, khuôn viên nhỏ hẹp, mái lợp bằng tôn. - 100% giáo viên trong trường là nữ. - 73 trẻ em dưới 5 tuổi, 160 trẻ em từ 5-16 tuổi (77 nữ) - Không có phòng cao tầng để cất các đồ dùng học sinh và các thiết bị nhà trường 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các thôn có trường tiểu học, THCS kiên cố cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho những người ở vùng nguy cơ cao. - Có 3 máy phát điện để cung cấp điện dự phòng khi có thiên tai gây mất điện. <p>*Tổ chức - xã hội:</p>	<ul style="list-style-type: none"> Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có Lụt - Trường 	<p>Trung bình</p>

		<p>thôn 5 là 267 hộ</p> <p>khi có lụt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công trình vệ sinh trường mầm non xuống cấp. Các trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Các trường học chưa có hồ bơi, không có địa điểm học bơi - Các thôn đều nằm trong vùng trũng thường bị ngập lụt nhưng có 80% học sinh chưa biết bơi. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên và học sinh chưa được tập huấn chương trình an toàn trường học trong thiên tai. - Chưa có các hoạt động ngoại khoá giảng dạy kiến thức phòng ngừa thiên tai cho học sinh. - Chưa lồng ghép chương trình PCTT vào chương trình nội dung tiết học để học sinh có cơ hội tìm hiểu về các loại hình thiên tai mức độ nguy hiểm và biến đổi của khí hậu <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa thường xuyên nghe thông tin dự báo thời tiết. - Do thu nhập của người dân còn thấp nên chưa quan tâm đến việc cho con em học kỹ năng bơi lội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhà trường đã cho học sinh nghỉ khi có thiên tai và tổ chức học bù chương trình vào thời gian khác trong tuần. - Xây dựng kế hoạch PCTT trong trường học và phân công nhiệm vụ cho từng thầy cô giáo. - Vận động ủng hộ hỗ trợ các gia đình học sinh và thầy cô giáo bị ảnh hưởng thiên tai nói riêng và ủng hộ đồng bào các tỉnh nói chung. - Các nhà trường đều có phương án PCTT. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số phụ huynh học sinh đã chủ động đưa con em đi học bơi tại trung tâm huyện. 	<p>mầm non có nguy cơ bị tốc mái hư hỏng công trình vệ sinh khi có thiên tai xảy ra.</p>	<p>Cao</p>
<p>Lục</p>	<p>Thôn 2,3,4</p>	<p>Tổng số hộ :539. Trong đó thôn 2 là 177 hộ, thôn 3 là 173 hộ, thôn 4 là 189 hộ</p> <p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường mầm non cấp 4, khuôn viên nhỏ hẹp, mái lợp bằng tôn. - 100% giáo viên trong trường là nữ. - 89 trẻ em dưới 5 tuổi, 202 trẻ em từ 5-16 tuổi (98 học sinh nữ), - Không có phòng cao tầng để cất các đồ dùng học sinh và các thiết bị nhà trường khi có lụt. - Công trình vệ sinh trường mầm non xuống cấp. Các trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Các trường học chưa có hồ bơi, không có địa điểm học bơi - Học sinh không được trang bị áo phao <p>* Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Chưa có các hoạt động ngoại khoá giảng dạy kiến thức phòng ngừa thiên tai cho học sinh. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số học sinh thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH. Chiếm bao nhiêu %? - Một số phụ huynh chưa có ý thức cho 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các thôn có trường tiểu học, THCS, PTHH kiên cố, ở nơi cao, có thể làm nơi sơ tán cho những người ở vùng nguy cơ cao. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Các nhà trường đều có phương án PCTT. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số phụ huynh đã có ý thức dạy bơi cho trẻ em 	<p>Nguy cơ trẻ em bị đuối nước và nghỉ học dài ngày khi có Lụt</p>	<p>Thấp</p>

			con em học bơi			
Bão	Toàn xã	1080	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường học đều cách xa các thôn (điểm xa nhất tới 2 Km) nên trẻ em đi học trong mùa mưa bão không thuận tiện. - Toàn xã có 162 trẻ em dưới 5 tuổi, 362 trẻ em từ 5-16 tuổi, trong đó 175 nữ. - Có một số thôn nằm trong vùng trũng thường bị ngập khi có thiên tai xảy ra nhưng có 80% học sinh chưa biết bơi. - Các trường có cây to, nhiều cành nhánh, dễ gãy khi có bão. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường còn thiếu trang thiết bị PCTT như dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu. - Các trường chưa tập huấn kỹ năng PCTT/BĐKH cho học sinh. <p>* Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số học sinh thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH. - Một số phụ huynh chưa có ý thức cho con em học bơi. 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 điểm trường mầm non và trường tiểu học, trung học cơ sở kiên cố có thể làm nơi sơ tán cho những người ở vùng nguy cơ cao. - Trường mầm non có các phòng, công trình vệ sinh, bếp ăn nên có thể sơ tán người dân vùng nguy cơ cao khi có lệnh. <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường thông báo kịp thời cho học sinh nghỉ học khi có thiên tai. - Nhà trường có phương án PCTT. <p>* Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <p>Các bậc phụ huynh đã đặc biệt quan tâm đến con em mình về phòng tránh thiên tai không còn tình trạng bỏ mặc cho nhà trường.</p>	Cơ sở vật chất trường học bị hư hỏng, xuống cấp.	Cao
....	<i>Ghi chú khác</i>					

8. Rừng

Không có rừng

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1, 5	541	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 85,67 ha diện tích lúa và hoa màu nằm trong vùng thấp trũng. - 11,54 km kênh mương nội đồng chưa được kiên cố hóa hoặc bị xuống cấp nên không đảm bảo tưới tiêu. - Đường nội đồng bằng đất nhỏ hẹp, thấp trũng không đảm bảo cho sản xuất kinh doanh. - 3 trạm bơm nước công suất nhỏ không đảm bảo cho việc tưới tiêu. - Toàn xã chưa có máy gặt. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có HTX nông nghiệp cung cấp các dịch vụ nông nghiệp cho người dân không? - Có cán bộ khuyến nông hướng dẫn thời vụ sản xuất không? - Có tổ chức thăm nom đồng ruộng và khuyến cáo cảnh báo cho người dân không? - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao. - Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bán trôi nổi không được quản lý triệt để hiện tượng người dân mua nhầm thuốc giả kém chất lượng. - Chưa thường xuyên tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT vào sản xuất. - Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra, chủ yếu người dân tự bán sản phẩm. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - khoảng 30% hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động, chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ (Bao nhiêu %) - 50% hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy trình làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 thôn có 85,67 ha diện tích đất trồng lúa và hoa màu với 541 hộ tham gia trong đó tỷ lệ nữ chiếm 80%. - Có 4,56 km mương đã được kè và bê tông hóa thuận tiện cho việc dẫn nước và tiêu nước. - Có 3 trạm bơm nước - Có 5 máy cày bừa để phục vụ công tác làm đất. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt. - Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu - Đã thành lập hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 16 cái</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có đầu ra bền vững. - Đa số các hộ dân đã làm nông nghiệp lâu năm nên có kinh nghiệm về sản xuất. 	Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi có lụt	Cao
Lụt	Thôn 2,3,4	Tổng số hộ :539. Trong đó thôn	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 13,73/19,7km kênh mương nội đồng chưa được kiên cố hóa nên không đảm bảo tưới tiêu. <p>*Tổ chức- xã hội</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 thôn có 102 ha diện tích đất trồng lúa và hoa màu với 539 hộ tham gia trong đó tỷ lệ nữ chiếm 80%. 	Lúa và hoa màu mất mùa,	Thấp

		<p>2 là 177 hộ, thôn 3 là 173 hộ, thôn 4 là 189 hộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao. - Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, bán trôi nổi không được quản lý triệt để hiện tượng người dân mua nhầm thuốc giả kém chất lượng. - Chưa thường xuyên tập huấn chuyển giao tiến bộ KHKT vào sản xuất. - Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra, chủ yếu người dân phải tự tìm thị trường. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ dân phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động, chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Khoảng 50% hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy trình làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 5,97 km mương đã được kè và bê tông hóa nên việc vận chuyển nông sản hàng hóa được thuận lợi. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt. - Khuyến cáo người dân chuyển đổi đất lúa không có năng suất cao sang cây màu - Đã thành lập hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 12 cái</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có đầu ra bền vững. - Đa số các hộ dân đã làm nông nghiệp lâu năm nên có kinh nghiệm về sản xuất. 	<p>giảm năng suất khi có lụt</p>		
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70,5% hệ thống kênh mương nội đồng chưa được kiên cố hóa nên không đảm bảo tưới tiêu. - Toàn bộ diện tích 207,09 ha diện tích lúa và hoa màu vụ mùa có nguy cơ thiệt hại do bão. - Hệ thống máy bơm xuống cấp không đảm bảo để chủ động tưới tiêu khi có thiên tai xảy ra . - 2,35/11,9km đường giao thông nội đồng chưa được kiên cố hóa. <p>*Tổ chức -xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác chuyển đổi cây trồng chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, chưa có tính bền vững. - Thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trôi nổi không được quản lý nên người dân mua nhầm thuốc giả, kém chất lượng. - Hợp tác xã chưa bao tiêu được sản phẩm đầu ra chủ yếu người dân tự cung, tự cấp. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p>	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9,55/11,8km đường giao thông nội đồng được đổ bê tông thuận lợi cho vận chuyển Hoa màu và lúa khi thu hoạch. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã cung ứng phân bón trả chậm cho nhân dân, quản lý các khâu dịch vụ nước tưới cây trồng tốt. - Đã tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt. - Đã thành lập hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ cho sản xuất và quản lý điều tiết nước tưới khi đến vụ - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 40 cái</i></p>	<p>Lúa và hoa màu mất mùa, giảm năng suất khi bão đổ bộ vào địa bàn.</p>	Cao

			<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân trồng rau màu sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy trình làm ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. - Một số hộ phun thuốc sâu không có bảo hộ lao động - 30% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt, chủ yếu sản xuất theo kinh nghiệm 	<p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã biết chuyển đổi cây lúa kém năng suất sang trồng cây màu có năng suất cao - Người dân đã nghiên cứu học hỏi để chuyển đổi cây lúa sang trồng cây màu có đầu ra bền vững. 		
Rét đậm, rét hại	Toàn xã	1080	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% diện tích cây lạc và rau màu các loại khi có rét đậm, rét hại kéo dài cây trồng chậm phát triển ảnh hưởng đến năm xuất. - Giai đoạn đầu của mạ và lúa gieo thẳng còn non thường gặp vào những lúc xảy ra rét hại. <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống bơm nước chưa chủ động để chống rét cho cây mạ. - Thời vụ gieo cấy vụ chiêm xuân thường rơi vào thời kỳ rét nhiều. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ gieo cấy và trồng lạc không theo quy trình hướng dẫn, chưa áp dụng KHKT trong trồng trọt 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân đã chủ động tích cực đầu tư thuê máy bơm, bơm nước chống rét cho cây lúa. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX cung ứng đủ vật tư phân giống thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo chất lượng cho xã viên. - UBND, HTX đã hỗ trợ kinh phí để trồng rét. - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 40 cái</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là xã thuần nông cho nên đa số các hộ xã viên có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp. - Nhân dân đã chủ động tích cực đầu tư thuê máy bơm, bơm nước chống rét cho cây lúa. 	Nguy cơ mất mùa giảm năng suất các diện tích trồng lúa và hoa màu khi có thiên tai xảy ra	Cao.
Hạn hán	Toàn xã	1080	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% diện tích lúa và hoa màu nằm trong vùng ảnh hưởng khi có hạn hán. - Hệ thống kênh mương, cống thủy lợi đã xuống cấp không đảm bảo tưới tiêu. - Diện tích gieo xạ nhiều nhưng không tập trung. - Nước tưới bị nhiễm mặn, không lấy nước để tưới cho cây trồng. <p>* Tổ chức- xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hệ thống bơm tát để chủ động tưới tiêu mà tưới tiêu phụ thuộc thủy triều. - Thời vụ gieo cấy vụ chiêm xuân thường rơi vào thời kỳ rét nhiều lượng mưa thấp. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ gieo cấy không theo quy trình hướng dẫn, chưa áp dụng 	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống đường nội đồng từng bước được bê tông hóa. - Toàn xã đã được sản xuất bằng cơ giới hóa. - Nhân dân tích cực đầu tư thuê máy bơm tát khi có hạn hán xảy ra. <p>* Tổ chức - xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HTX cung ứng đủ vật tư phân giống thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo chất lượng cho xã viên. - UBND, HTX đã hỗ trợ kinh phí để trồng hạn <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là xã thuần nông cho nên đa số các hộ xã viên có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp. - Người dân có kinh nghiệm và đầu tư máy bơm nhỏ chống hạn. - Chủ động chống hạn cho cây 	Nguy cơ mất mùa giảm năng suất các diện tích trồng lúa và hoa màu khi có thiên tai xảy ra	Trung bình

			KHKT trong trồng trọt	trồng bằng biện pháp gánh nước tưới		
<p>Ghi chú: Khi có hạn hán, nước biển sẽ xâm mặn vào hệ thống sông Hoạt, sông Lèn là nguồn nước bơm tưới cho đồng ruộng của các xã của huyện Nga Sơn. Khi nước mặn vượt quá nồng độ cho phép, các trạm bơm của huyện (như trạm bơm Xa Loan ở xã Nga Văn) sẽ không thể bơm để cấp nước vào đồng ruộng gây nên tình trạng thiếu nước nguồn tưới cho ruộng lúa và hoa màu. Nga Trung phụ thuộc vào hệ thống thủy lợi này của huyện nên cũng bị ảnh hưởng. Đáng nói là do ảnh hưởng của nước biển dâng và nắng nóng kéo dài xảy ra ngày càng phổ biến, nên hiện tượng xâm mặn diễn ra liên tục trong 10 năm trở lại đây.</p>						
Nhiễm mặn	Thôn 5	267	40,67 ha lúa và hoa màu ở vùng tiếp giáp với kênh Sao Sa, là kênh nước gần với cửa biển lạch Sung của xã Nga Bạch. Khi nước triều lên cao, kết hợp với Hạn hán sẽ có nguy cơ nước mặn vào đồng ruộng.	Xã có công ngăn mặn tại vùng tiếp giáp xã với địa bàn xã Nga Bạch nên đã ngăn được phần lớn nguy cơ nhiễm mặn cho đồng lúa và hoa màu của thôn. Người dân có kinh nghiệm phát hiện độ mặn của nước kênh.	Nguy cơ nhiễm mặn đất canh tác khi có thủy triều lớn bất thường.	Thấp
....	<i>Ghi chú khác</i>					

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1, 5	541 Hộ trong đó thôn 1 là 274 hộ, thôn 5 là 267 hộ	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ chăn nuôi chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - Hộ chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Tỷ lệ hộ chăn nuôi có xây bể biogas để xử lý chất thải thấp (12/141 hộ) <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể. - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm dần. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc - 60% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiến thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - Đa số người dân chăn nuôi thiếu kiến thức khoa học, chưa tham gia thực hiện 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 thôn có 141 hộ tham gia chăn nuôi nữ 50% . - 20% hộ chăn nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Đã tổ chức truyền truyền về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch - Đã hỗ trợ cho một số hộ làm hầm biogas và đệm lót sinh học để đảm bảo vệ sinh môi trường - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 16 cái</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm 	Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra	Cao

			<p>các biện pháp thú y triệt để.</p>	<p>trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. - Một số hộ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi nên đã đăng ký thực hiện thú y trọn gói.</p>		
Lục	Thôn 2,3,4	<p>Tổng số hộ :539. Trong đó thôn 2 là 177 hộ, thôn 3 là 173 hộ, thôn 4 là 189 hộ</p>	<p>*Vật chất - 65% hộ chăn nuôi chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. Số hộ xây bể biogas ít (16/186 hộ), chất thải không được xử lý, có nguy cơ phát tán, làm ô nhiễm môi trường. - Hộ chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. *Tổ chức- xã hội - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể. - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm dần. *Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ. - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc - 60% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiến thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - Đa số người dân chăn nuôi thiếu kiên thức khoa học, chưa tham gia thực hiện thú y trọn gói.</p>	<p>*Vật chất - 3 thôn có 186 hộ tham gia chăn nuôi nữ 60% . - 35% hộ chăn nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo *Tổ chức - xã hội - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Đã tổ chức truyền truyền về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch - Đã hỗ trợ cho một số hộ làm hầm biogas và đệm lót sinh học để đảm bảo vệ sinh môi trường - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 24 cái</i> *Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. - Một số hộ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi nên đã đăng ký thực hiện thú y trọn gói.</p>	<p>Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra.</p>	<p>Trung bình</p>
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất - 80% hộ chăn nuôi chuồng trại chưa kiên cố, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường. - 97,25 % hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc. - Tỷ lệ hộ chăn nuôi không có xây bể biogas để xử lý chất thải còn rất cao (91,43%) *Tổ chức - xã hội - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp (cụ thể là chiếm bao nhiêu %) - Một số hộ chăn nuôi chưa được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi và vệ sinh môi trường. - Giá cả không ổn định nên người dân không yên tâm chăn nuôi hiện nay đang giảm dần. *Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ -</p>	<p>*Vật chất - 5 thôn có 327 hộ tham gia chăn nuôi. - 20% hộ chăn nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo về vệ sinh môi trường *Tổ chức - xã hội - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Hội nông dân có tập huấn kỹ thuật trong chăn nuôi tuy nhiên còn rất ít lớp. - Đã hỗ trợ một số hộ làm hầm biogas để đảm bảo vệ sinh môi trường. - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai:</p>	<p>Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra. Chuồng trại chăn nuôi bị hư hỏng, sập đổ</p>	<p>Trung bình Cao</p>

			<p>động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc - 60% Phụ nữ tham gia chăn nuôi nhưng thiếu kiên thức, ít tham gia tập huấn chăn nuôi. - Đa số hộ chăn nuôi thiếu kiên thức khoa học, chưa tham gia thực hiện thú y trọn gói. 	<p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 40 cái</i> <i>Font chữ</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. - Một số hộ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi nên đã đăng ký thực hiện thú y trọn gói. 		
Rét đậm, rét hại	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ chăn nuôi chuồng trại còn tạm bợ chưa đảm bảo ấm về mùa đông. - Hộ chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa đầu tư hệ thống chuồng trại. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể để gia súc gia cầm kháng bệnh với rét. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc. - Đa số người dân chăn nuôi thiếu kiên thức khoa học kỹ thuật, chưa tham gia thực hiện các biện pháp thú y, vệ sinh dịch tễ đầy đủ trong chăn nuôi. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 thôn có 327 hộ tham gia chăn nuôi nữ 50% . - 20% hộ chăn nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ. - Đã tổ chức tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia cầm, nhất là khi có dịch. - Kênh thông tin để người dân theo dõi diễn biến của thời tiết, thiên tai: <p><i>Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98%</i> <i>Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96%</i> <i>Số loa truyền thanh: 40 cái</i></p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả. 	Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra.	Trung bình
Hạn hán	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ chăn nuôi chuồng trại còn tạm bợ chưa đảm bảo thoáng mát về mùa hè. - Hộ chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ chưa đầu tư hệ thống chuồng trại. <p>*Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ tiêm phòng vắc xin trên đàn gia súc, gia cầm thấp, chưa có biện pháp cụ thể để gia súc gia cầm kháng bệnh với nắng nóng kéo dài. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ chăn nuôi chưa có ý thức tiêm 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5 thôn có 258 hộ tham gia chăn nuôi nữ 50% . - 30% hộ chăn nuôi có chuồng trại tương đối đảm bảo. <p>*Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tổ chức tuyên truyền cho nhân dân dự trữ nước để phục vụ chăn nuôi. - Đã tổ chức tiêm phòng cho gia súc gia cầm theo định kỳ - Đã tổ chức tuyên truyền về vệ sinh phòng bệnh cho gia súc gia 	Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra.	Thấp

			phòng cho gia cầm chỉ quan tâm tiêm phòng gia súc. - Đa số người dân chăn nuôi thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, chưa tham gia thực hiện thú y trộn gói.	cầm, nhất là khi có dịch *Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ. - Một số hộ dân thường xuyên chăn nuôi nên có kinh nghiệm trong chăn nuôi và phòng trừ dịch bệnh có hiệu quả.		
....	Ghi chú khác:					

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 1, 5	541	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích ao nuôi 7 ha trong đó có 5.5 ha chưa kiên cố chủ yếu là bờ đất. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật, chưa hướng dẫn sử dụng thuốc cho nuôi trồng nên các hộ nuôi sử dụng thuốc chưa đúng liều lượng. - Giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. - Một số hộ dân chưa quan tâm đến vệ sinh ao nuôi 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi thủy sản của 2 thôn là 7 ha với 11 hộ tham gia nuôi trồng, có 4 hộ đã kiên cố hóa ao nuôi. <p>*Tổ chức – xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã đa khuyến cáo các hộ be bờ, thu hoạch sớm trước mùa mưa bão. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ thuật điều tiết nước đảm bảo cho thủy sản phát triển - Hộ nuôi đã tham khảo nuôi trồng qua ti vi đài báo để học hỏi kỹ thuật. 	Ao nuôi bị xuống cấp, sạt lở, giảm năng suất, giảm sản lượng khi lụt.	Cao
Lụt	Thôn 2,3,4	539	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích ao nuôi 6 ha trong đó có 3.5 ha chưa kiên cố chủ yếu là bờ đất. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quản lý tốt thuốc bảo vệ thực vật, chưa hướng dẫn sử dụng thuốc cho nuôi trồng nên các hộ nuôi sử dụng thuốc chưa đúng liều lượng. - Giống trôi nổi, chưa qua kiểm dịch. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu các hộ nuôi trồng thủy sản theo kinh nghiệm, áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. - Một số hộ dân chưa quan tâm đến 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích nuôi thủy sản của 3 thôn là 6 ha với 14 hộ tham gia nuôi trồng, có 6 hộ đã kiên cố hóa ao nuôi. <p>*Tổ chức – xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã đa khuyến cáo các hộ be bờ, thu hoạch sớm trước mùa mưa bão. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ thuật điều tiết nước đảm bảo cho thủy sản phát triển - Hộ nuôi đã tham khảo nuôi trồng qua ti vi đài báo để học hỏi kỹ thuật. 	Ao nuôi bị xuống cấp, sạt lở, giảm năng suất, giảm sản lượng khi có lụt	Trung bình

			vệ sinh ao nuôi			
Hạn hán	Toàn xã	1080	<ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao thấp, chủ yếu là bờ đất, hệ thống giao thông thủy lợi còn thô sơ chưa kiên cố hóa. - Chưa quy hoạch, chủ yếu nuôi tự phát trên diện tích tự nhiên của các hộ ven sông. - Nguồn nước bị ô nhiễm - Người dân chủ quan, thiếu kiến thức kỹ thuật chăm sóc. - Chưa có các biện pháp để chống hạn, hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên 	UBND xã và các tổ chức đoàn thể đã thường xuyên khuyến cáo để các hộ be bờ, giữ nước đảm bảo cho việc sinh trưởng của con nuôi. - Các hộ nuôi đã đầu tư máy sục ôxy.	Giảm sản lượng, có khi mất trắng khi nhiệt độ quá cao, kéo dài	Trung bình
....	Ghi chú khác					

12. Du lịch

Không có du lịch

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐ KH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Buôn bán dịch vụ tại thôn chủ yếu buôn bán nhỏ lẻ, lều quán tạm bợ: - 5% là quán ăn uống, giải khát tận dụng nhà ở để dựng lều che chắn tạm bợ. - Hàng hóa bị ẩm mốc khi lụt kéo dài và gián đoạn việc buôn bán - Khâu dự trữ hàng hoá chưa đủ, giá cả tăng cao gây khó khăn cho người dân. <p>* Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quan tâm hỗ trợ phát triển dịch vụ buôn bán chủ yếu người dân buôn bán tự phát, thiếu vốn đầu tư. - Chất lượng hàng hóa cũng như nguồn gốc hàng hóa chưa được kiểm soát, kiểm nghiệm. - Chưa kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. - Chưa có ý thức mua hàng “Người Việt dùng hàng Việt”. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn mua chịu, bị nợ đọng lâu năm, có khi mất vốn đầu tư. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 27% hộ làm dịch vụ, buôn bán tạp hóa, ăn uống giải khát, dọc theo đường trục chính chủ yếu là phụ nữ tham gia buôn bán tỷ lệ 70%. - Có vốn để đầu tư buôn bán, có thu nhập hàng ngày. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn. - Có chế độ miễn giảm thuế khi có thiệt hại xảy ra. - Thông tin kịp thời để cất giữ hàng hóa khi có thiên tai/BĐKH. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ buôn bán đã mạnh dạn đầu tư kinh doanh lớn. - Có mối quan hệ với khách hàng tốt nên buôn bán phát triển thu nhập cao. - Đa số các hộ biết đầu tư và chủ động nâng cao năng lực về kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán sập đổ hư hỏng khi có Bão - Mất nguồn vốn có khi phá sản. 	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p>
Ghi chú khác:						

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Toàn xã	1080	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% người già, hộ nghèo không có ti vi và radio. - 20 % hộ dân chưa có điện thoại. - 40% hộ dân chưa tiếp cận được thông tin truyền thông qua hệ thống loa của xã. - Một số tuyến truyền thanh cụm loa bị hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo trong mùa mưa bão. - 40% hộ dân không tiếp cận được Internet. - Chưa có cụm loa di động tại thôn. - Thiếu phương tiện cảnh báo sớm. <p>* Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa thường xuyên tuyên truyền về PCTT/BĐKH - Có lồng ghép nội dung PCTT/BĐKH vào các buổi họp dân, nhưng còn hạn chế. - Chưa có các biển cảnh báo vùng nguy hiểm. - Cán bộ truyền thanh kiêm nhiệm chưa được tập huấn nhiều, thời gian đầu tư còn ngắn. - Công tác phối hợp của các ban ngành về tuyên truyền PCTT /BĐKH cho nhân dân còn hạn chế. <p>* Nhận thức, kinh nghiệm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ dân thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH - Đa số là phụ nữ ít quan tâm đến thông tin về PCTT/BĐKH - ít tham gia các cuộc họp. 	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh 98% Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh 96% Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn 100% (<i>Trường thôn và các đoàn thể trong thôn có nhiệm vụ thông báo đến các hộ đặc biệt khó khăn khi có tình huống khẩn cấp</i>) Số loa truyền thanh của xã: 20 cái; Hệ thống loa truyền thanh củ thôn 20 cái (mỗi thôn 4 cái). Xã có một máy phát điện dự phòng. <p>*Tổ chức – xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm có sửa chữa , khắc phục và nâng cấp hệ thống loa truyền thanh trên địa bàn thôn. - Đã tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh về PCTT/BĐKH tuy nhiên chưa được nhiều, nhất là về BĐKH. - Có đội xung kích thôn, khi cần có cả đội xung kích xã hỗ trợ giúp đỡ người dân vùng trũng sơ tán, di dời lịp thời. - Có 01 cán bộ làm công tác truyền thanh <p>*Nhận thức, kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số người dân có ý thức chằng chống nhà cửa khi có bão, lụt xảy ra. - 75% người dân quan tâm đến thông tin PCTT, BĐKH. - Đa số nam tham dự tập huấn và quan tâm đến thông tin PCTT/BĐKH 	Hệ thống truyền thanh hư hỏng không đảm bảo thông tin liên lạc dự báo cảnh báo khi có bão.	Trung Bình

Ghi chú khác: Hệ thống truyền thanh của xã hư hỏng xuống cấp 40% loa nên ảnh hưởng đến thông tin dự báo cảnh báo nên cần đầu tư hỗ trợ để kịp thời thông báo tin tức PCTT nói riêng và nhiệm vụ chính trị của xã nói chung.

15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐ	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)

KH						Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Lụt	Toàn xã	1080	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - 859 nhà bán kiên cố và 36 nhà xuống cấp trầm trọng cần hỗ trợ (có danh sách kèm theo). - Trường mầm non mái lợp tôn, thiếu phòng học, thiếu khu hiệu bộ. - Nhân dân thiếu trang thiết bị phục vụ cho PCTT, chưa đảm bảo cho công tác chỉ đạo và cứu hộ cứu nạn: Phao cứu sinh, áo phao, áo mưa, đèn pin, ủng đi mưa, máy phát điện, máy cưa, băng cáng, bao thuốc cứu thương và kính phí hậu cần. - Thiếu lực lượng trẻ, nhất là nam, để điều động ứng phó thiên tai kịp thời. Đội phản ứng nhanh thường xuyên biến động do đi làm ăn xa. <p>* Tổ chức - xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng xung kích hoạt động chưa hiệu quả. - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, chưa được trang bị bảo hộ lao động để đi làm nhiệm vụ. - Nguồn kinh phí bố trí cho PCTT chưa có. - Chưa có quy chế hoạt động của ban PCTT. - Chưa lồng ghép giới vào công tác PCTT. <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn khoảng 5% người dân còn thờ ơ, chủ quan. - Một số ít hộ dân sợ mất tài sản nên không chịu di dời. 	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 185 nhà ở kiên cố trong đó có 76 nhà cao tầng có thể làm nơi sơ tán cho người dân. - Có 3 trường học, trụ sở UBND, trạm y tế cao tầng là nơi có thể sơ tán nhân dân khi có thiên tai xảy ra. - Xã có một máy phát điện dự phòng. - Có thể huy động các phương tiện vận chuyển nếu cần sơ tán dân. <p>* Tổ chức- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT xã được củng cố kiện toàn hàng năm có 25 người, trong đó có 2 nữ. - Lực lượng xung kích cứu hộ cứu nạn của xã có 50 người, 10 nữ. - Xã lập kế hoạch PCTT hàng năm được phân công cụ thể và thường xuyên phối hợp các ban ngành lồng ghép để tuyên truyền PCTT. Có xây dựng phương án ứng phó cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ. - Đã có phương án sơ tán những người già yếu, tàn tật, trẻ em, phụ nữ mang thai đến nơi an toàn. <p>Các trường học đều có kế hoạch/phương án ứng phó với thiên tai.</p> <p>*Nhận thức, Kinh nghiệm, thái độ - động cơ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% người dân biết dự trữ lương thực, thực phẩm khi mùa mưa bão đến trong vòng 10 ngày. - Đoàn kết tương trợ lẫn nhau trong cộng đồng. - Người dân biết được các điểm sơ tán di dời tại các nhà kiên cố vùng an toàn. 	Ban PCTT và đội xung kích có nguy cơ bị tai nạn khi đi làm nhiệm vụ.	Cao

Ghi chú khác:

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, lụt, hạn hán, rét hại	Toàn xã	1080	<ul style="list-style-type: none"> - Có 38 người phụ nữ làm chủ hộ, 18% phụ nữ đơn thân nên khi có thiên tai phải tự chủ động chằng chống nhà cửa kê kích vật dụng và đưa gia súc gia cầm lên cao khi có lụt - Có 90% phụ nữ nhà ở gần sông nhưng không biết bơi, khi nước dâng cao lụt lớn. - Phụ nữ ít được tập huấn về PCTT/BĐKH và ít tham gia trong các hoạt động PCTT nên thiếu kỹ năng trong ứng phó. - Một số nam giới đi làm ăn xa thiếu lực lượng PCTT, phụ nữ phải lo lắng công việc nặng nhọc trong gia đình. - Cả nam và nữ đều thiếu kiến thức về PCTT/BĐKH, nữ ít tham dự tập huấn hơn nam - Nam không tham gia các buổi tư vấn chăm sóc sức khỏe. - Tỷ lệ nữ trong đội xung kích và BCH PCTT của xã thấp, lại thiếu kiến thức về Thiên tai-BĐKH và kỹ năng sơ cấp cứu, yếu về kỹ năng truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa số chị em phụ nữ chủ hộ tự khắc phục khó khăn. - Đa số nam giới tích cực tham gia công tác PCTT, đã hỗ trợ giúp đỡ gia đình neo đơn. - Tuyên truyền động viên các hộ vùng nguy cơ cao đi sơ tán đi sơ tán và chuẩn bị hậu cần. Nam giới chằng chống nhà cửa, tham gia cứu hộ cứu nạn. - Trong gia đình nam giao quyền quản lý tiền và chi tiêu cho phụ nữ, khi mua sắm lớn nhất là các hoạt động ứng phó với thiên tai được bàn bạc thống nhất. - Cả hai đều tham gia sản xuất phát triển kinh tế. 	<p>Người già, phụ nữ và trẻ em có nguy cơ bị đuối nước và bị tai nạn khi có thiên tai/BĐKH.</p> <p>Các nhu cầu khác nhau về giới không được quan tâm, đáp ứng trong tình huống có thiên tai</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình.</p>
....	Ghi chú khác					

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Sản xuất tiêu thụ công nghiệp: Đan cói, sản xuất quai.

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)				
Bão	Toàn xã	1080	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ thuật, mẫu thiết kế chưa đa dạng. - Giá thành thấp. - Chưa có nơi cung cấp nguyên liệu cho người dân làm cói. - Máy móc thô sơ, công nghệ thấp. - Thiếu trang thiết bị bảo hộ lao động. <p>* Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có chủ trương để đầu tư phát triển ngành dệt cói truyền thống. 	<p>* Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ yếu làm theo kinh nghiệm dân gian. - Việc thu mua nguyên liệu rất thuận lợi. <p>* Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho các hộ làm chiếu đi học tập kinh nghiệm tại các huyện bạn. - Giới thiệu nguồn hàng cho có doanh nghiệp <p>* Nhận thức kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ động bảo quản nguyên 	<p>Nguyên vật liệu và sản phẩm chiếu bị ẩm mốc làm ảnh hưởng đến thu nhập</p>	<p>Trung bình</p>

			<p>* Nhận thức kinh nghiệm - Chưa chủ động đầu tư mua sắm máy móc có công nghệ cao để phát triển nghề.</p>	liệu.		
....	<p>Ghi chú khác: Nghề đan cói và se cói là công việc thủ công khá nhẹ. Phù hợp với phụ nữ và người cao tuổi. Đan cói là nghề truyền thống của địa phương và là nghề mang lại cơ hội thu nhập cho những phụ nữ già, neo đơn, những người không có nhiều sức khoẻ để tham gia các công việc lao động nặng khác..</p>					

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Vấn đề, thứ tự ưu tiên	Rủi ro thiên tai	TTDBTT	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Nguy cơ mất thông tin dự báo cảnh báo khi có thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh được xây dựng từ 2003, có 10 cụm loa, công suất thấp. - Hiện nay, đường dây và các cụm loa đã hư hỏng. Các thôn chưa có âm li di động để tuyên truyền lưu động. - Chưa có biển cảnh báo, cảnh cáo vùng nguy hiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lâu năm, thiếu kinh phí để sửa chữa, nâng cấp. - Đường dây truyền thanh phải đi chung với cột điện hạ thế và viễn thông - Nguồn thu của xã không cân đối được - Người dân có thu nhập thấp, khó khăn trong đóng góp 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ xây dựng hệ thống truyền thanh có dây để đảm bảo công tác tuyên truyền, dự báo, cảnh báo thiên tai/BĐKH. - Mua sắm âm li di động cho 05 thôn để tuyên truyền lưu động khi thiên tai xảy ra. - Xây dựng các biển cảnh báo vùng nguy hiểm.
2	Nguy cơ nhà ở bị hư hỏng sập đổ, tốc mái khi có bão cấp 10 trở lên.	<ul style="list-style-type: none"> - Có 859 nhà ở bán kiên cố, 36 thiếu kiên cố đã xuống cấp, hư hỏng trong toàn xã và chủ yếu là các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân có hoàn cảnh khó khăn - Có 5 nhà văn hóa tôn chưa kiên cố., nhỏ hẹp, không đảm bảo cho sinh hoạt cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ có thu nhập thấp, thiếu lao động, không đủ kinh phí để xây dựng nhà ở kiên cố. - Xã đã quan tâm nhưng không đủ nguồn kinh phí để hỗ trợ vì đối tượng quá lớn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ xây nhà kiên cố cho các hộ nghèo, phụ nữ đơn thân, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi.. - Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, để tăng thu nhập cho người dân - Sơ tán, di dời người dân khỏi vùng nguy cơ cao và các hộ trong nhà ở không kiên cố đến nơi an toàn khi có lệnh - Hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn.
3	Mất mùa, giảm năng suất lúa và các loại hoa màu khi có thiên tai/BĐKH	<ul style="list-style-type: none"> - 85,76 ha lúa hoa màu nằm ở vùng trũng dễ ngập lụt. Toàn bộ 207,09ha lúa và hoa màu có nguy cơ cao với nhiễm mặn. - Năng lực của HTX nông nghiệp còn hạn chế, Chưa có chế tài trong hoạt động để quản lý vật tư nông nghiệp. - Cơ sở vật chất còn thiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương chưa chủ yếu là đất, thường xuyên bị bồi lấp, sạt lở, không đảm bảo tưới, tiêu - Tập huấn chuyển giao KHKT chưa thường xuyên - Quản lý thuốc BVTV và giống, phân bón còn hạn chế, người dân còn mua phải vật tư nông nghiệp kém chất lượng. - Sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, chưa có đầu ra nên thu nhập người dân còn thấp. - Người dân còn thiếu vốn, kiến thức về sản xuất nông nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, xây dựng hệ thống kênh mương để đảm bảo tưới, tiêu cho cây lúa và hoa màu. - Tập huấn chuyển giao KHKT cho các hộ làm nông nghiệp. Đặc biệt quan tâm đến chi em phụ nữ - Chuyển đổi giống cây trồng sang những loại giống có thể chịu hạn, mặn. -Nâng cao năng lực cho HTX nông nghiệp để quản lý vật tư nông nghiệp và tạo đầu ra cho tiêu thụ sản phẩm.
4	Nuôi trồng thủy sản, giảm năng suất, mất trắng sản lượng khi có thiên tai, BĐKH .	<ul style="list-style-type: none"> - 13 ha nuôi trồng thủy sản nuôi nhỏ lẻ manh mún, thường xuyên bị ảnh hưởng trực tiếp của triều cường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa quy hoạch cùng tập trung, chuyên canh; Bờ bao chủ yếu được làm bằng đất. - Nuôi thâm canh nên chưa có trang thiết bị để phục vụ công tác nuôi trồng - Công qua Đê được xây dựng từ năm 1960 đã xuống cấp , không đảm bảo được điều tiết nước. - Nguồn giống và thức ăn trôi nổi 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch vùng chuyên canh NTTS theo hướng công nghiệp , - Tập huấn chuyển giao KHKT cho người nuôi trồng thủy sản - nâng cấp hệ thống công Qua đê để điều tiết nước cho NTTS. - Liên kết các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm

			<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có đầu ra để tiêu thụ sản phẩm, giá cả không ổn định, còn phụ thuộc vào thương lái. - Người dân còn chưa được tập huấn KHKT, chủ yếu nuôi theo kinh nghiệm 	
5	Ô nhiễm môi trường diện rộng khi có thiên tai xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình chăn nuôi, lò mổ, trang trại, chưa có hệ thống xử lý môi trường, thải chất thải trực tiếp ra ngoài môi trường. - Nghĩa trang, nghĩa địa chưa được quy hoạch, còn chôn cất theo tập quán của địa phương. - Người dân còn vứt rác bừa bãi chưa phân loại rác thải. - Chưa có hệ thống thoát nước trong các khu dân cư 	<ul style="list-style-type: none"> - Số hộ có hầm biogas thấp (28/327), chưa có thùng rác nơi công cộng - 40 nhà vệ sinh chưa đạt yêu cầu vệ sinh. - Các hộ còn vứt rác bừa bãi ra môi trường, kênh mương và sông. - Có bê chứa bao bì thuốc BVTV nhưng người dân chưa có ý thức tập kết, vẫn còn tình trạng vứt rác bừa bãi - Nguồn nước đã bị ô nhiễm - Khu dân cư ngay từ đầu đã không được quy hoạch rãnh thoát nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm các thùng rác nơi công cộng - Hỗ trợ kinh phí làm hầm Biogas cho các hộ chăn nuôi. Làm nhà vệ sinh cho các hộ gia đình khó khăn, đưa đệm lót sinh học vào chăn nuôi. - tuyên truyền, nâng cao nhận thức về VSMT và xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm. - Xây dựng hệ thống thoát nước tổng các khu dân cư

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (***)	Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Nhà nước (%)	Người dân (%)	Bên ngoài hỗ trợ (%)
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức cộng đồng về rủi ro thiên tai/BĐKH	Toàn dân trong xã	- Tổ chức tập huấn cho cộng đồng.	Ngắn hạn		50%		50%
			Xây dựng chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng			100%		
			-Xây dựng pa nô, áp phích tuyên truyền về RRTT.			50%		50%
	Nâng cao năng lực truyền thông cho cán bộ các đoàn thể ở xã – xóm	Cán bộ các đoàn thể của xã.	- Tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xã	Ngắn hạn		50%		50%
- Cung cấp trang thiết bị truyền thông cho địa phương			50%				50%	
Hạ tầng công cộng	Nâng cấp, kiên cố hoá đường liên thôn	Thôn 1 và thôn 5	Bê tông hoá 1,5km đường ở thôn 5 và 1,3km đường ở thôn 1	Ngắn hạn	Dài hạn	100%		
Nhà ở	Hỗ trợ xây nhà cho hộ nghèo, hộ neo đơn	36 hộ nghèo, cận nghèo trong xã	Đầu tư, cho vay vốn xây nhà cho các hộ nghèo (Đặc biệt hộ phụ nữ nghèo đơn thân)	Ngắn hạn	Dài hạn	20%	30%	50%

Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Tập huấn/truyền thông nâng cao nhận thức về nhà an toàn trước thiên tai	Toàn dân trong xã	Tổ chức tập huấn cho cộng đồng cả nam giới và phụ nữ.	Ngắn hạn		100%		
	Nâng cao hiểu biết của người dân về nước sạch, vệ sinh môi trường	Toàn dân trong xã	Tổ chức tập huấn cho cộng đồng, chú trọng mời nam giới tham gia đông hơn.	Ngắn hạn		100%		
	Xây dựng thiết chế vệ sinh môi trường của xã thôn có quy định về xử lý chất thải đối với hộ chăn nuôi quy mô gia trại, quy hoạch khu chăn nuôi gia trại.	Toàn dân trong xã	Xây dựng và hoàn thiện các nội quy, quy định về vệ sinh môi trường có sự tham gia cho từng thôn	Ngắn hạn		100%		
	Cung cấp nước sạch, đảm bảo tiêu chuẩn cho nhân dân	Toàn xã	Xây dựng đường ống và Cung cấp nước sạch, đảm bảo tiêu chuẩn cho nhân dân (Nhà nước làm dịch vụ có thu)	Ngắn hạn		100%	100%	Người dân sử dụng và trả tiền nước
	Nâng cấp xây dựng hệ thống tiêu thoát nước ở khu dân cư.	Toàn xã	Xây dựng hệ thống mương tiêu thoát nước thải khu dân cư	Ngắn hạn	Dài hạn	20%	80%	
Y tế và quản lý dịch bệnh	Nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng ngừa dịch bệnh trong mùa thiên tai	Toàn dân trong xã	Tổ chức tuyên truyền cho người dân cả nam giới và phụ nữ về phòng ngừa dịch bệnh trong mùa thiên tai	Ngắn hạn	Dài hạn	100%		
Trồng trọt	Chuyển đổi giống cây trồng chịu hạn, tăng cường khả năng quản lý dịch hại cây trồng.	Toàn xã	Tìm kiếm và thử nghiệm giống mới chịu hạn, mặn	Ngắn hạn	Dài hạn	50%	50%	
Chăn nuôi	Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật chăn nuôi, tăng cường khả năng quản lý dịch bệnh cho vật nuôi	Toàn xã	Trung tâm học tập cộng đồng mở các lớp tập huấn cho các hộ có nhu cầu	Ngắn hạn	Dài hạn	50%	50%	
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Đảm bảo thông suốt thông tin cảnh báo sớm đến cộng đồng dân cư trong mùa thiên tai	Toàn dân trong xã	Thường xuyên duy tu bảo dưỡng hệ thống thông tin cảnh báo	Ngắn hạn		100%		
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Thường xuyên nâng cao năng lực ứng phó cho đội xung kích	Đội xung kích	Tập huấn về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu cho cả nam giới và phụ nữ trong đội	Ngắn hạn		100%		
			Cung cấp trang thiết bị cứu hộ	Ngắn hạn		50%		50%
			Diễn tập ứng phó với các tình huống khẩn cấp trong thiên tai	Ngắn hạn		100%		

Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Trang bị bảo hộ lao động, tập huấn an toàn lao động, khuyến khích người dân mua BHYT, BHXH.	Nam, nữ trong độ tuổi lao động của xã	Tuyên truyền cho công đồng nâng cao nhận thức về an toàn lao động, tác hại của thuốc trừ sâu, hoá chất, thuốc bảo vệ thực vật.	Ngắn hạn			100%	
	Xây dựng phương án sơ tán thiên tai có tính đến các nhu cầu khác biệt về giới.	Phụ nữ nghèo, các hộ phải đến nơi sơ tán khi có thiên tai	Rà soát, bổ sung vào phương án ứng phó thiên tai của xã các biện pháp đảm bảo đáp ứng các yêu cầu khác nhau về giới trong phương án sơ tán, lánh nạn.	Ngắn hạn		100%		

3. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Cảm ơn dự án đã hỗ trợ địa phương tổ chức đợt đánh giá Rủi ro thiên tai và Biến đổi khí hậu tại địa bàn. Kết quả đánh giá đã sát thực tế về hiện trạng cũng như chỉ ra được các rủi ro nội cộng về thiên tai đối với địa phương.

Với các giải pháp đã được người dân và cán bộ đề xuất, từng bước chúng tôi sẽ lồng ghép các giải pháp, hoạt động đã được đề xuất từ kết quả đánh giá này vào các Nghị quyết, kế hoạch ngắn hạn cũng như dài hạn của địa phương để thống nhất việc triển khai thực hiện đồng bộ và làm cơ sở pháp lý cho việc phân bổ nguồn lực.

UBND xã kính mong Dự án hỗ trợ kinh phí cho xã để xây dựng 36 căn nhà đảm bảo các tiêu chí an toàn với thiên tai. Hỗ trợ xã trong việc nâng cao năng lực cứu hộ, kỹ năng sơ cấp cứu cho đội cứu hộ và trang thiết bị phòng chống thiên tai cho đội xung kích cứu hộ.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục**1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Nam	Nữ	Số điện thoại
1	Hoà Văn Quân	Phó CT UBND xã	X		0979798502
2	Nguyễn Văn Đăng	Công chức văn hoá xã hội	X		0977382581
3	Phạm Thị Lý	Cán bộ tư pháp		X	0356466605
4	Hoàng Văn Sáu	Chỉ huy trưởng Quân sự	X		0978576518
5	Phạm Văn Đồng	Cán bộ chính sách	X		0978382008
6	Phạm Văn Hạnh	Văn phòng đảng uỷ	X		0989178908
7	Mai Văn Mạnh	Cán bộ chính sách	X		0989029608
8	Phạm Thị Sang	Phó chủ tịch HPN		X	0822302302
9	Trương Thị Lý	Chi hội trưởng thôn 4		X	0398174534
10	Phạm Thị Hồng	Chi hội trưởng thôn 5		X	0367918321

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công cụ: Lịch sử thiên tai

Tháng năm	Loại hình thiên tai	Đặc điểm/xu hướng	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại gì/Mức độ thiệt hại (ANCD, SXKD, SKVSMT)	Tại sao bị thiệt hại (Nguyên nhân về VC, TCXH, NT,KN,TD,ĐC)	Đã làm gì để PCTT
7/2006	Bão	- Gió giật cấp 12, cấp 13 kèm theo mưa to, không theo quy luật.	Toàn xã	<p>1. ATCD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12 nhà bị sập - 300 cột điện bị đổ. - Trường cấp 3 bị đổ 300m trường bao. - Hệ thống truyền thanh hư hỏng <p>2. SX – KD</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20 ha Lúa bị đổ. - Các diện tích ngô rau màu bị dập nát. - Cây ăn quả bị gãy cành và rụng quả. - Chăn nuôi gia súc gia cầm bị chwt dịch bệnh. - 8ha diện tích nuôi trồng thủy sản mất con giống nuôi. - Kinh doanh dịch vụ ngừng hoạt động, kho tàng, lều quán bị tốc mái, hàng hóa bị ẩm mốc. <p>3. Vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây cối, rác thải tràn ngập đường gây cản trở giao thông. - Hệ thống tiêu thoát nước bị ách tắc, chất thải sinh hoạt và chăn nuôi tràn ra sông ngòi gây ô nhiễm môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà lợp mái ngói, mái tôn, xây dựng nâu năm. - Tường bao trường cấp 3 và hệ thống cột điện xây dựng trên nền đất trũng, thấp, kết cấu chưa đảm bảo. - Đường dây chấp lỏi và đi nhờ cột điện, các cụm loa do ảnh hưởng của khí hậu nước biển nên bị ô xi hóa - Hệ thống kênh mương nhỏ hẹp, bờ kênh còn bằng đất. - Một số hộ dân còn chủ quan chưa chằng chống gia cố nhà cửa. - Đường nội đồng nền thấp, nhỏ hẹp bằng đất nên không thuận lợi cho việc sản xuất của người dân - Các diện tích lúa và hoa màu nhỏ lẻ, manh mún. - Thiếu trang thiết bị phục vụ sản xuất. - Máy bơm nước công suất thấp không đáp ứng được nguồn nước. - Chăm bón không cân đối, thời vụ cây trồng chưa phù hợp. - Chuồng trại chưa kiên cố, chưa theo quy hoạch, chăn nuôi nhỏ lẻ. - Công tác phòng dịch chưa đảm bảo. - Bờ ao đầm chưa kiên cố. - Chưa có ban vệ sinh môi trường. - Một số hộ dân ý thức chưa cao, còn chủ quan - Chưa có nhà vệ sinh, chưa có đội thu gom rác thải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trước bão cần tích cực tuyên truyền cho người dân chủ động phòng chống gia cố nhà cửa. - Huy động nhân lực, vật lực để di dời người và tài sản đến nơi an toàn. - Quy hoạch đầu tư các diện tích trồng lúa, hoa màu. - Thông tin, dự báo kịp thời đến người dân trong vùng nguy cơ cao - Tiêm phòng dịch bệnh gia súc gia cầm. - Xây dựng, đắp cao bờ ao, bờ đầm, lấp các thiết bị điện và máy sục khí cho các diện tích nuôi quản canh. - Tổ chức, vận động nhân dân lạo vét kênh mương khơi thông dòng chảy. - Thu hoạch thủy sản sớm, chuyển đổi con giống phù hợp.. - Tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật chăn nuôi, thủy sản, chăn nuôi.

11/2008	Rét đậm, rét hại	- Rét kéo dài 35 ngày, rét càng nhiều nhiệt độ xuống thấp dưới 10 ⁰	Toàn xã	<p>* Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 100% ha cây lạc không lên mầm, không phát triển, 30 % chậm phát triển - ha cây lúa mới cấy bị chết - 15 ha cây hoa màu bị dập nát, ước tính thiệt hại: 300 triệu. - 1.500 con gia súc bị dịch bệnh, chết. (2000 con lợn, 70 con bò). - 101 ha NTTS bị mất trắng, sản lượng. <p>* Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người già, trẻ em mắc bệnh đường hô hấp. - Trẻ em phải nghỉ học 1 tuần. <p>Môi trường bị ô nhiễm ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng.</p>	<p>* Trồng trọt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các diện tích cây trồng như: Lúa, lạc, hoa màu còn manh mún, nhỏ lẻ. - hệ thống kênh mương, tưới tiêu chưa chủ động, còn phụ thuộc vào thiên nhiên. - Thiếu các trang thiết bị, máy bơm nước phục vụ sản xuất. - Cơ cấu giống lúa không đồng bộ. - Lịch gieo cấy chưa đúng theo thời vụ. <p>* Chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi chưa đảm bảo vệ sinh, - Công tác tiêm phòng dịch bệnh còn hạn chế, còn thiếu kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi. - Cơ giống và thức ăn chăn nuôi trôi nổi, chưa rõ nguồn gốc. <p>* Nuôi trồng thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn thiếu kỹ thuật nuôi trồng - Thiếu kinh phí đầu tư cho hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật. - Đa số các hộ đều sử dụng giống chưa ó nguồn gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác Tuyên truyền cho người dân hiểu về phòng chống rét. - Đốt củi sưởi ấm - Bơm nước cao, sử dụng bèo để chống rét cho nuôi trồng thủy sản. - Tăng cường dự trữ thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm. - Tuyên truyền không cho gia súc ra ngoài trời. - Bơm nước giữ ẩm cho cây lúa, hoa màu. - Sử dụng giống chất lượng cao, có nguồn gốc, để nâng cao sức chống chịu trước thời tiết.
7/2016	Lụt	Mưa to, ngập lụt diện rộng, thường xuyên xảy ra mực nước cao hơn diện tích rộng, thời gian kéo dài	Toàn xã	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sạt lở mương trước đường ngang xã, mương tưới N1, đầu nối trạm bơm số 2 là 100m - Đường giao thông nội đồng bằng đất, thấp lầy lội. <p>* Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15 ha lúa bị ngập. - Diện tích dưa hấu bị ngập mất trắng, giảm sản lượng 22,24 ha. - Diện tích thủy sản bị ngập 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương làm bằng đất, thiếu kiên cố. - Diện tích lúa của các vùng trũng bị ngập thu hoạch không kịp thời. - Chưa hệ thống máy bơm để tiêu úng - Người dân chủ quan không gia cố bờ ao đầm. - Bờ ao, đầm thấp bằng đất thiếu các trang thiết bị phục vụ thủy sản. - Chuồng trại chăn nuôi chưa 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên công tác vớt bèo, khơi thông dòng chảy phục vụ sản xuất - Họ ban chỉ đạo phòng chống bão lụt phân công cho từng thành viên, thường xuyên cập nhập thông

				<p>trần bờ mất sản lượng 2,4 ha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc gia cầm bị chết dịch bệnh. <p>* Sức khỏe vệ sinh môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống công trình vệ sinh trong sinh hoạt và chăn nuôi bị tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh ngừa ngoài da,, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt 	<p>đảm bảo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa chấp hành lịch tiên phòng dịch bệnh. - Cán bộ thú y chuyên môn còn yếu. - Chưa vận động được kinh phí để đầu tư, kiên cố hóa kênh mương. - Diện tích trồng trọt còn manh mún, nhỏ lẻ. 	<p>tin dự báo thời tiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị máy và một số công cụ để thoát nước vào mùa mưa. - Vận động nhân lực và thuê máy đắp, khắc phục hệ thống nuôi trồng thủy sản. - Chuẩn bị tốt phương châm bốn tại chỗ trong công tác PCTT. - Khuyến cáo thu hoạch diện tích lúa, hoa màu đến thời kỳ thu hoạch. - Tuyên truyền cho người dân tích cực tham gia xử dụng nguồn nước sạch, che chắn chuồng trại, lựa chọn con giống rõ nguồn gốc.
5/2012	Hạn hán	Nắng, nóng kéo dài, nhiệt độ cao 39-41°C và ngày càng gia tăng.	Toàn xã	<p>* Sản xuất kinh doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - 42 ha mạ non bị chết 100%, - Các diện tích hoa màu phát triển kém ảnh hưởng đến năng suất. - Chăn nuôi gia súc gia cầm tăng trưởng chậm ảnh hưởng đến năng suất. - Diện tích nuôi thủy sản bị ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của các loại như cá, tôm. <p>* Sức khỏe vệ sinh môi trường:</p>	<p>* Trồng trọt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống kênh mương bằng đất; tưới tiêu chưa chủ động, còn phụ thuộc vào thiên nhiên. - Thiếu các trang thiết bị để phục vụ sinh hoạt như: máy điều hòa, quạt phun sương... - Thiếu kinh phí để đầu tư các trang thiết bị, máy bơm nước phục vụ sản xuất. - Chưa có hồ/đâm để dự trữ nước tưới. - Cây giống chống chịu kém. <p>* Chăn nuôi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi chưa kiên cố, thoáng mát, chưa đảm bảo vệ sinh - Công tác tiêm phòng dịch bệnh còn hạn chế, còn thiếu kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi. - Con giống và thức ăn chăn nuôi trôi nổi, chưa rõ nguồn gốc. <p>* Nuôi trồng thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn thiếu kỹ thuật nuôi trồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân chủ động cây đúng thời vụ và dự trữ nước cho cây trồng. - Thường xuyên cấp nước để giữ ẩm cho cây trồng, - Gieo trồng Lạc theo đúng kỹ thuật, thu hoạch đúng thời vụ để tránh thiệt hại. - Xây dựng chuồng trại thoáng mát, khô ráo. - Luôn luôn giữ vệ sinh chuồng trại - Khuyến cáo cho người dân trồng cây xanh quanh chuồng trại.

																		ngập úng, đập nát không cho thu nhập.	- Có 30% sản xuất theo hàng hóa nhưng chưa đạt tiêu chuẩn VietGap	bài). - Áp dụng tiến bộ KHKT do trạm khuyến nông và các công ty liên doanh liên kết tạo đầu ra ổn định.
Chăn nuôi Nữ 70% Nam 30%																		- Rét đậm, rét hại: gia cầm bị dịch bệnh . - Bão lụt: bị chết làm giảm thu nhập của người dân.	- 30% chuồng trại của các gia đình chưa kiên cố. - Vệ sinh chuồng trại chưa đảm bảo. - Đầu ra chưa ổn định, giá cả bấp bênh ảnh hưởng đến thu nhập của người dân - Chăm sóc hạn chế , tiêm phòng chưa đầy đủ, chủ yếu quan tâm đến gia súc. - Nước thải chăn nuôi trực tiếp ra môi trường, chưa có hầm Bioga.	- Có 06 trang trại kiên cố. - Tiêm phòng theo định kỳ, theo hướng dẫn của chi cục thú y. - Các trang trại có đầu ra ổn định, phòng trừ dịch bệnh theo đúng kỹ thuật kiểm tra chặt chẽ. - Giống, thức ăn, thuốc phòng dịch được các Công ty cung cấp cho các trang trại.
Nuôi trồng thủy sản: Nam 80%, Nữ 20%																		- Rét đậm, rét hại: tôm, cá bị chết hàng loạt, dịch bệnh hoành hành. - Bão kèm theo lụt: bị mất trắng sản lượng, hư hỏng bờ bao	- Diện tích ngoại đê song Cung: 50,5 ha. - Bờ bao chưa kiên cố (100% là đất) - Chủ yếu là nuôi quảng canh, giống mua trôi nổi trên thị trường. - Chưa có đầu ra cho sản phẩm, giá cả bấp bênh. - Chưa có sự đầu tư vào sản xuất, thức ăn trôi nổi	- Thường xuyên được tập huấn kỹ thuật. - Thức ăn được các công ty cung ứng. - Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong nuôi trồng thủy sản. - 70% hộ có điện lưới - Một số thương lái thu mua với sản lượng lớn.
Công nghiệp – xây dựng Nam 60%, Nữ 40%																		- Rét đậm, rét hại, bão lụt diễn ra làm ảnh hưởng đến năng xuất lao động. - Bão lụt dễ xảy ra tai nạn lao động.	- Cơ sở sản xuất chưa tập trung, nhỏ lẻ. - Công tác bảo hộ lao động chưa đảm bảo, chưa có bảo hộ lao động. - Trình độ lao động không đồng đều, một số ngành chưa qua đào tạo,	- Lực lượng lao động dồi dào, trẻ, khỏe. - Có kinh nghiệm trong sản xuất thủ công nghiệp. - Có chủ trương phát triển ngành

															- Thu nhập không ổn định	chủ yếu qua kinh nghiệm thực tế.	ngành truyền thống và khu sản xuất tập trung. - Tuyên truyền cho người dân trong quá trình lao động, tránh tai nạn rủi ro trong sản xuất kinh doanh.
Dịch vụ thương mại: Nam 25% Nữ 75%															- Làm giảm các mặt hàng truyền thống. - Không có thị trường lưu thông hàng hóa - Làm giảm việc làm tại địa phương. - Không tận dụng hết nguồn lao động tại địa phương	- Các hộ gia đình kinh doanh nhỏ lẻ. - Các mặt hàng chưa đa dạng phong phú. - Chưa có kinh phí để phát triển ngành nghề truyền thống	- Nhà nước hỗ trợ vay vốn và thành lập các doanh nghiệp mới - Có sự chỉ đạo của cấp ủy chính quyền - Địa phương có nhiều chính sách mở để kêu gọi đầu tư

Công cụ phân tích giới

Ngành nghề	Vai trò giới		Ảnh hưởng của thiên tai		Giải pháp cải thiện	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
1. Trồng lúa						
- Làm đất (100% máy cày)	80	20				
- Gieo trồng	30	70		Tiếp xúc với nắng nóng, rét ngoài trời ảnh hưởng đến sức khỏe.		- Bảo hộ lao động kiểm tra sức khỏe định kỳ. - Áp dụng máy cày để giải quyết sức lao động cho phụ nữ.
- Phân bón	10	90				
- Phun thuốc	90	10	Ảnh hưởng đến sức khỏe do tiếp xúc với thuốc trừ sâu.	Đối với nữ làm chủ hộ sẽ phải phun thuốc trừ sâu và ảnh hưởng đến sức khỏe	Bảo hộ lao động, tuyên truyền về kỹ thuật phun thuốc, tác hại của thuốc đến sức khỏe.	Tuyên truyền nhân dân thực hiện đúng quy trình bảo hộ lao động. Phun thuốc đúng cách, đúng liều, hạn chế thuốc hoá học, sử dụng thuốc sinh học.

- Thu hoạch (Thuê máy gặt)	50	50				Thực hiện xanh nhà hơn già đồng khi có thông tin về bão, lụt phải khẩn trương thu hoạch lúa.
2. Trồng màu						
- Làm đất	50	50	Tiếp xúc với nắng nóng, rét ngoài trời ảnh hưởng đến sức khỏe	Tiếp xúc với nắng nóng, rét ngoài trời ảnh hưởng đến sức khỏe	Tuyên truyền nhân dân thực hiện đúng quy trình bảo hộ lao động. Phun thuốc đúng cách, đúng liều, hạn chế thuốc hoá học, sử dụng thuốc sinh học.	
- Gieo trồng	40	60				
- Chăm sóc	40	60				
- Bón phân	20	80				
- Phun thuốc	80	20				
- Thu hoạch	50	50				
- Bán sản phẩm	30	70				
3. Nghề phụ						
- Xây dựng	90	10	Nắng nóng rét hại Tai nạn lao động	Tiếp xúc với nắng nóng, rét ngoài trời ảnh hưởng đến sức khỏe	Bảo hộ lao động, tập huấn về an toàn lao động, khuyến khích mua BHYT, Kiểm tra sức khỏe định kỳ	
Dóc quai, xe lỏi		100				
Chăn nuôi	Gia súc 30% Gia cầm 30%	Gia súc 70% Gia cầm 70%	Khi mưa lụt phát sinh công việc nhiều hơn	Trực tiếp thực hiện các công việc vệ sinh chuồng trại. Khi có mưa lụt công việc phát sinh nhiều hơn	Chuồng trại làm sạch sẽ thoáng mát vào mùa hè, ẩm vào mùa đông, tránh mưa bão. Sử dụng các chế phẩm sinh học để xử lý chuồng trại và tránh phát sinh dịch bệnh.	

Công cụ Điểm mạnh – Điểm yếu trong phòng chống thiên tai

Hạng mục	Điểm mạnh	Điểm yếu	Đề xuất giải pháp
1. Năng lực bộ PCTT và TKCN cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Ban chỉ huy phòng chống thiên tai: 17 người (có 3 nữ) - Đội xung kích của 5 thôn = 50 người. - Có đầy đủ trang thiết bị cho ban chỉ huy PCTT - Hàng năm tổ chức tập huấn PCTT. - Có kế hoạch PCTT và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. - Tổ chức sơ tán di dời dân đến điểm tránh trú an toàn. - Hàng năm ký hợp đồng với các hộ kinh doanh vận tải (4 hộ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị PCTT xuống cấp, không đủ để tham gia ứng cứu. - Chưa được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, kỹ năng ứng phó nhanh. - Chưa được diễn tập thường xuyên. - Thành viên trong đội xung kích là cán bộ kiêm nhiệm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho đội xung kích kỹ năng cơ bản ứng phó thiên tai. - Trang bị, mua sắm thiết bị cho đội cứu hộ cứu nạn để làm nhiệm vụ khi có bão. - Tổ chức diễn tập thường xuyên.
2, Hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Có máy thu phát công suất 450KW. - Có 10 cụm loa (20 cái) - Có đội thông tin hỏa tốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Máy thu phát công suất thấp không đảm bảo phát cho 10 cụm loa. - Hệ thống dây chấp lỗi nhiều 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh của xã để đảm bảo thông tin dự báo cảnh báo.

	<ul style="list-style-type: none"> - Có 2 loa cầm tay. - Có hệ thống điem báo nguy hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> đoạn, và đi nhờ đường điện lưới. - Thiếu các cụm loa, âm li đi động. - Thiếu kinh phí để duy tu sửa chữa. - Cán bộ đài chuyên môn chưa cao. - Thiếu máy vi tính và các cục phát, máy ghi âm.. 	
4. Công trình phòng chống thiên tai.	<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 cống đã được kiên cố. - Có sông Sâu Sa để chống úng, lụt. - Có kênh 19, kênh N3, ngoài ra còn có hệ thống kênh mương mương để tưới tiêu toàn xã. - Trạm y tế, trường cấp 1,2,3 kiên cố là nơi tránh trú khi có thiên tai cho người dân. - Trụ sở UBND xã kiên cố cao tầng xây dựng năm 2016. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa nạo vét thường xuyên. - Kênh còn bằng đất nhỏ hẹp. - Đường nội đồng thấp trũng nhỏ hẹp lầy lội. - 5 nhà văn hóa mái lợp ngói, khuôn viên nhỏ hẹp không đảm bảo cho sinh hoạt cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương để đảm bảo sản xuất. - Đầu tư xây dựng đường nội đồng để thuận tiện cho việc vận chuyển thu hoạch lúa, ngô, khoai, lạc. - Nâng cấp, xây dựng 5 nhà văn hóa để đảm bảo cho việc sinh hoạt cộng đồng và hội họp của người dân.
-5.Phương châm 4 tại chỗ	<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tại chỗ; Có 50 người trong đội xung kích và 17 người là thành viên trong ban PCTT - Phương tiện tại chỗ: ký hợp đồng với 4 xe tải, 95% các hộ có xe máy, 97% các hộ có ti vi điện thoại. - Chỉ huy tại chỗ: Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, có kế hoạch phân công cụ thể cho từng thành viên là cán bộ công chức xã. - Hậu cần tại chỗ: Người dân chủ động đóng góp và dự trữ lương thực thực phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa tập huấn thường xuyên cho lực lượng xung kích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư trang thiết bị, tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho đội xung kích, đội PCTT.
5. Ý thức năng lực của người dân	<ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân biết bơi. - 80 % hộ dân chấp hành lệnh sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - 60% chưa biết bơi chủ yếu là người phụ nữ và trẻ em. - 20% người dân không chấp hành lệnh sơ tán vì tiếc của. - Người dân còn chủ quan, chưa được tập huấn kiến thức về PCTT 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức của người dân về kiến thức, kỹ thuật trong công tác PCTT

Hiện trạng và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu (Thảo luận với người dân) xã Nga Trung

Biểu hiện của BDKH	Kéo theo các hiện tượng thời tiết cực đoan/ các nguy cơ gì	C Các vùng bị ảnh hưởng	Các lĩnh vực khía cạnh bị ảnh hưởng (3 khía cạnh, 3 lĩnh vực)	Những rủi ro BDKH gây ra	Giải pháp(*)	
					Giảm nhẹ RRTT và thích ứng	Việc giảm phát thải khí nhà kính (tiết kiệm năng lượng)

- Nhiệt độ tăng	-Nắng gắt kéo dài, kèm theo gió Lào, thời gian mỗi đợt từ 10-15 ngày Nhiệt độ cao điểm 40- 41 °c	5/5 thôn,	*SX -Nông nghiệp -Thủy sản - chăn nuôi * SK VSMT - ảnh hưởng sức khỏe - Ô nhiễm môi trường	-Lúa chết do thiếu nước. -Tôm cá chết do nhiệt độ nước tăng cao và thiếu nước Gia súc gia cầm chết, dịch bệnh Nguy cơ dịch bệnh nhiễm sang người	- Kiên cố hóa hệ thống kênh mương bờ ao đảm bảo tưới tiêu. - Vệ sinh môi trường, kiểm tra chăm sóc sức khỏe định kỳ	- Giám sử dụng phân bón hóa học trong trồng lúa, hoa màu - Hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV khi không cần thiết
- Lượng mưa tăng vào mùa hè, giảm mùa đông xuân	- Ngập lụt kéo dài - Ngập úng tại vùng trũng, sâu	Toàn xã	- mất trắng và giảm năng suất - lúa, thủy sản, chăn nuôi Hoa màu ,tài sản của các hộ gia đình	- Cây lúa mất trắng - Gia súc chết dịch bệnh - Ô nhiễm môi trường - Công trình thủy lợi sạt lở, hư hỏng nặng	- Kiên cố hệ thống kênh mương, chuồng trại - Tập huấn , chuyên giao KHKT - Từng bước xây dựng hệ thống tưới tiêu chủ động	- Thu gom rác thải, vệ sinh môi trường - Tiết kiệm điện nước, chất đốt - Xây dựng bình Biogas
- Nước biển dâng	- Nước mặn xâm nhập - Ngập úng vùng trũng thấp	Thôn 5	- Nuôi trồng thủy sản -Lúa, hoa màu, chăn nuôi bị ảnh hưởng, phát triển chậm	-Thủy sản mất trắng. -Làm mất mùa; năng suất lúa, hoa màu giảm - Gia súc, gia cầm bị chết, - Nguồn nước sinh hoạt bị xâm nhập mặn	- Kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, đảm bảo tưới tiêu chủ động - Gia cố Đê điều. - Đầu tư xây dựng các trạm bơm nước - Xây dựng hệ thống kênh mương, thoát nước trong các khu dân cư.	- Sử dụng tỷ lệ thuốc BCTV đúng cách, đúng liều lượng. - Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải
- Bão gia tăng không theo quy luật	- Tàn phá mạnh, mưa nhiều gây ngập úng Gió mạnh hơn, cấp 13, siêu bão	Toàn xã	- Nông nghiệp, thủy sản , tiểu thủ công nghiệp, Mất tài sản, chết người, chết gia súc gia cầm	- Lúa, hoa màu chết do ngập úng -Tôm cá chết do ngập úng, mặn xâm nhập. - Gia súc gia cầm bị chết, dịch bệnh - Gây ô nhiễm môi trường	-Kiên cố hóa hệ thống kênh mương tưới tiêu. -Kiên cố hóa bờ ao đảm, tạo hệ thống cầu cống thoát nước -Hỗ trợ nhà xưởng, máy sấy cho sản phẩm -Trồng bổ xung rừng mới - Hỗ trợ xây dựng nhà	- Giám tỉ lệ sử dụng thuốc BVTV -Có hệ thống xử lý chất thải, nước thải

Công cụ 7: Xếp hạng rủi ro thiên tai xã Nga Trung

Rủi ro thiên tai	Nhóm HTKT		Cụm thôn 1 và cụm thôn 2		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam nữ		Tổng phiếu toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (7)	Nữ (8)	Nam (9)	Nữ (21)	Nam (8)	Nữ (21)	Nam (24)	Nữ (50)		
Nguy nhà ở bị hư hỏng sập đổ, tốc mái khi có bão cấp 10 trở lên.	12	8	13	12	8	11	33	31	64	1
Ô nhiễm môi trường và nguồn nước sinh	11	10	11	11	9	10	31	31	62	2

hoạt khi có bão lụt xảy ra.										
Nuôi trồng thủy sản có nguy cơ mất trắng giảm sản lượng khi có thiên tai xảy ra.	6	6	4	7	4	14	14	27	41	5
Hệ thống kênh mương có nguy cơ bị hư hỏng khi có thiên tai xảy ra.	5	9	6	8	6	13	17	30	47	3
Diện tích lúa và hoa màu có nguy cơ bị mất trắng, giảm năng suất khi có thiên tai xảy ra.4	8	9	3	11	6	7	17	27	44	4
Gia súc, gia cầm có nguy cơ bị dịch bệnh khi có thiên tai xảy ra.	6	8	4	11	3	6	13	25	38	6
Công trình công cộng có nguy cơ bị hư hỏng khi có thiên tai xảy ra.	4	5	3	6	3	8	10	19	29	7
Nguy cơ mất thông tin dự báo cảnh báo khi có thiên tai	4	9	3	4	4	7	11	20	21	8
Tổng cộng	56	64	45	126	48	126	149	316		

Công cụ 9: Tổng hợp giải pháp PCTT xã Nga Trung

Giải pháp PCTT	Nhóm HTKT		Cụm thôn 1 và cụm thôn 2		Kiểm chứng		Tổng phiếu của nam/ nữ		Tổng phiếu Toàn xã	Xếp hạng toàn xã
	Nam (9)	Nữ (6)	Nam (9)	Nữ (21)	Nam (8)	Nữ (21)	Nam (24)	Nữ (50)		
Nâng cao nhận thức cho người dân về quản lý rủi ro thiên tai BĐKH, VSMT, kiến thức phòng dịch bệnh.	8	3	7	17	8	11	23	31	54	5
Xây dựng thiết chế vệ sinh môi trường của xã thôn có quy định về xử lý chất thải đối với hộ chăn nuôi quy mô gia trại, quy hoạch khu chăn nuôi gia trại.	6	7	9	21	9	10	34	27	61	3
Xây nhà chống bão, lụt cho hộ nghèo, phụ nữ đơn thân có nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố, xây dựng nâng cấp nhà văn hóa 5 thôn để đảm bảo cho sinh hoạt cộng đồng và diêm tập kết khi có thiên tai	37	7	11	35	37	44	32	85	117	1
Chuyển đổi giống cây trồng chịu hạn, tăng cường khả năng quản lý dịch hại cây trồng.	4	5	5	15	6	25	14	45	59	4
Tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật chăn nuôi, tăng cường khả năng quản lý dịch bệnh cho vật nuôi.	7	6	12	7	6	25	25	38	63	2
Xây dựng phương án sơ tán thiên tai có tính đến các nhu cầu khác biệt về giới.	3	6	8	9	3	6	14	21	35	8
Nâng cao năng lực ứng phó cho đội xung kích (mua sắm trang thiết bị, tập huấn kỹ năng ứng phó, sơ cấp cứu và diêm tập)	7	8	7	5	9	14	23	21	44	7
Nâng cao năng lực truyền thông cho ngũ cán bộ toàn thể xã- thôn.	6	7	3	9	4	7	13	23	36	6
Nâng cấp xây dựng hệ thống tiêu thoát nước ở khu dân cư.	6	4	2	3	4	4	12	11	23	9
- Trang bị bảo hộ lao động, tập huấn an toàn lao động, khuyến khích người dân mua BHYT, BHXH.	8	7	1	3	1	1	10	11	21	10
- Đầu tư mua sắm thùng rác nơi công cộng.	7	6	1	1	1	1	9	8	17	11
Tổng cộng	99	66	66	126	88	126	213	318		

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá



Một số hình ảnh tập huấn cho nhóm KTKT cấp xã Nga Trung



Họp thôn thu thập và kiểm chứng thông tin và xếp hạng RRTT + Giải pháp Phòng chống thiên tai

Một số hình ảnh đi thăm thực địa Tình trạng dễ bị tổn thương xã Nga Trung







Bản đồ rủi ro thiên tai xã Nga Trung – sản phẩm hoàn thiện.